

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2
KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

TRỊNH THỊ HỒNG

**THỰC TRẠNG KỸ NĂNG PHÂN TÍCH
CÂU CỦA HỌC SINH LỚP 5 TRƯỜNG
TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN – THÀNH
PHỐ VĨNH YÊN – VĨNH PHÚC**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Chuyên ngành: Tâm lí học

HÀ NỘI - 2014

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2
KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

TRỊNH THỊ HỒNG

**THỰC TRẠNG KỸ NĂNG PHÂN TÍCH
CÂU CỦA HỌC SINH LỚP 5 TRƯỜNG
TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN – THÀNH
PHỐ VINH YÊN – VINH PHÚC**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Chuyên ngành: Tâm lí học

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS. GVC: NGUYỄN ĐÌNH MẠNH**

HÀ NỘI - 2014

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này, em xin chân thành cảm ơn các thầy, cô giáo trường ĐHSP Hà Nội 2 và các thầy, cô giáo trong tổ bộ môn Tâm lý - Giáo dục đã trang bị cho em vốn kiến thức lí luận, giúp em xây dựng nên cơ sở khoa học của đề tài.

Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến thầy giáo, T.S Nguyễn Đình Mạnh - người đã tận tình, trực tiếp hướng dẫn em trong suốt quá trình thực hiện đề tài.

Qua đây, em cũng xin chân thành cảm ơn các thầy, cô giáo trong khoa Giáo dục Tiểu học trường ĐHSP Hà Nội 2, các cô giáo và các em học sinh khối lớp 5 (năm học 2013 - 2014) trường Tiểu học Ngô Quyền đã tạo điều kiện, giúp đỡ để em tiến hành điều tra, hoàn thành khóa luận.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, tháng 5 năm 2014

Sinh viên

Trịnh Thị Hồng

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng em. Các kết quả nghiên cứu, số liệu trình bày trong khóa luận là trung thực và không trùng với kết quả của các tác giả khác.

Hà Nội, tháng 5 năm 2014

Sinh viên

Trịnh Thị Hồng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng nghiên cứu.....	2
4. Khách thể nghiên cứu.....	3
5. Giả thuyết khoa học	3
6. Nhiệm vụ nghiên cứu	3
7. Phương pháp nghiên cứu.....	3
8. Phạm vi nghiên cứu.....	5
9. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài	5
10. Cấu trúc của khóa luận.....	5
NỘI DUNG	6
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN	6
1.1. Tổng quan về các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài	6
1.1.1 Các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học nước ngoài.....	6
1.1.2. Các công trình nghiên cứu trong nước	6
1.2. Những vấn đề lí luận có liên quan đến đề tài	7
1.2.1. Hoạt động học tập của học sinh tiểu học	7
1.2.2 Động cơ học tập	7
1.2.3 Nhiệm vụ học	8
1.2.4 Hành động học	8
1.2.5 Kỹ năng.....	9
1.2.6. Kỹ năng phân tích câu.....	13
1.3. Những kiến thức về thành phần câu trong chương trình tiếng Việt lớp 5	14
1.3.1 Chủ ngữ	14
1.3.2 Vị ngữ	15
1.3.3 Trạng ngữ.....	16

1.3.4 Các loại câu	17
1.4. Phương pháp dạy thực hành thành phần câu	19
1.4.1. Tầm quan trọng của việc dạy thực hành thành phần câu	19
1.4.2 Nội dung dạy thực hành	21
1.5. Quy trình dạy thực hành thành phần câu	25
1.6. Một số đặc điểm tâm lý của học sinh giai đoạn 2 bậc Tiểu học.....	26
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KỸ NĂNG PHÂN TÍCH CÂU CỦA HỌC SINH LỚP 5	28
2.1. Thực trạng kỹ năng phân tích câu của học sinh lớp 5 trường Tiểu học Ngô Quyền.....	28
2.2. Kết quả thu được qua quá trình khảo sát	31
2.3. Một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thực trạng trên.....	32
2.3.1. Đối với học sinh đạt mức khá, giỏi	32
2.3.2. Đối với học sinh đạt mức trung bình, yếu	33
2.4. Những biện pháp cần thiết để nâng cao kỹ năng phân tích câu cho học sinh lớp 5.....	34
2.4.1. Về phía giáo viên.....	34
2.4.2. Về phía học sinh	35
CHƯƠNG 3: THỬ NGHIỆM TÁC ĐỘNG	37
3.1. Mở đầu.....	37
3.1.1 Mục tiêu thử nghiệm.....	37
3.1.2 Nội dung thử nghiệm	37
3.1.3 Tiến hành dạy thử nghiệm	37
3.1.4 Khách thể thử nghiệm và đối chứng	41
3.2 Kết quả nghiên cứu	41
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	46
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa cùng với sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, ở các nước tiên tiến đã chỉ ra rằng: nhân tố con người là vô cùng quan trọng. Để chỉ ra sự đúng đắn của luận điểm trên, Đảng ta đã khẳng định: giáo dục là quốc sách hàng đầu, nhằm quan tâm đúng mức, đầu tư cho giáo dục, đầu tư cho sự phát triển con người một cách toàn diện.

Trong hệ thống giáo dục ở Việt Nam, mỗi cấp học đều giữ một vị trí, vai trò quan trọng riêng, trong đó nhà nước ta đặc biệt chú trọng đến giáo dục bậc Tiểu học. Sở dĩ có sự ưu đãi này là vì bậc Tiểu học là bậc học đánh dấu những bước đi đầu tiên trẻ em tham gia vào quá trình học tập với tư cách là hoạt động chủ đạo. Trong quá trình học tập của mình trẻ hình thành được những kiến thức và kỹ năng về nhiều phương diện khác nhau ở các mặt: văn - thể - mỹ, thể hiện qua sự phong phú của các môn học: Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử, Địa lí, Thủ công, Mĩ thuật, Âm nhạc... Mỗi môn học đều có tầm quan trọng riêng giúp trẻ có được kiến thức và hình thành kỹ năng ban đầu, đặt nền móng cho việc học tập của trẻ ở các cấp học tiếp theo. Một trong những môn chiếm phần lớn thời gian các môn học ở tiểu học là môn Tiếng Việt. Môn Tiếng Việt có vị trí quan trọng trong chương trình tiểu học. Đây là môn học vừa có vai trò trang bị cho học sinh công cụ ngôn ngữ, vừa là môn học thuộc Khoa học Xã hội và Nhân văn có nhiệm vụ trang bị cho học sinh những kiến thức khoa học về tiếng Việt, những kỹ năng sử dụng tiếng Việt để học sinh tự hoàn thiện nhân cách của mình ở phương diện ngôn ngữ và văn hóa. Thông qua đó rèn luyện cho các em năng lực tư duy, phương pháp suy nghĩ, giáo dục cho các em những tư tưởng, tình cảm lành mạnh, trong sáng. Trong quá trình hình thành kỹ năng làm các dạng bài tập của học sinh, ta thấy các dạng bài tập về câu là một trong những mảng

kiến thức vô cùng quan trọng để hình thành cho học sinh thói quen giao tiếp tốt, vì câu là một công cụ giao tiếp chung cho toàn xã hội. Khi sử dụng câu trong giao tiếp cũng như trong quá trình nghe, nói, đọc, viết của mình; học sinh phải tuân thủ theo những nguyên tắc ngữ pháp tiếng Việt, câu phải đảm bảo về mặt nội dung và hình thức. Về mặt nội dung, câu phải có chức năng thông báo trọn vẹn nội dung cần thông báo. Về mặt hình thức, câu phải chứa đựng các thành phần câu phù hợp đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp cụ thể. Muốn đạt được điều đó, học sinh phải nắm vững kỹ năng phân tích câu thông qua quá trình dạy thực hành thành phần câu của giáo viên. Như vậy; trong quá trình hình thành cho học sinh các kỹ năng sử dụng câu tiếng Việt, kỹ năng phân tích câu đóng một vai trò hết sức quan trọng. Từ đó, ta thấy việc hình thành, rèn luyện kỹ năng phân tích câu cho học sinh là rất quan trọng. Kỹ năng phân tích câu sẽ giúp các em học tốt các phân môn của môn tiếng Việt, đồng thời các em cũng chủ động hơn trong việc học các môn học khác. Ở nước ta, nhiều nhà ngôn ngữ cũng đã nghiên cứu về các vấn đề câu như: Diệp Quang Ban, Hoàng Trọng Phiến, Nguyễn Thị Thìn,... nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu về thực trạng kỹ năng phân tích câu của học sinh lớp 5.

Xuất phát từ những lí do trên và trong phạm vi nghiên cứu của mình, tôi đã chọn đề tài **“Thực trạng kỹ năng phân tích câu của học sinh lớp 5 trường Tiểu học Ngô Quyền - Thành phố Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc”**.

2. Mục đích nghiên cứu

Tìm hiểu thực trạng kỹ năng phân tích câu của học sinh lớp 5 trường Tiểu học Ngô Quyền - Thành phố Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc. Trên cơ sở đó đề xuất những biện pháp nhằm góp phần nâng cao kỹ năng phân tích câu cho các em.

3. Đối tượng nghiên cứu

Kỹ năng phân tích câu của học sinh lớp 5 trường Tiểu học Ngô Quyền - Thành phố Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc.

4. Khách thể nghiên cứu

90 em học sinh lớp 5 của 2 lớp 5A1 và 5A3 trường Tiểu học Ngô Quyền - Thành phố Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc, năm học 2013 - 2014.

5. Giả thuyết khoa học

Chất lượng kỹ năng làm các bài tập thực hành về câu, phân tích câu của học sinh lớp 5 còn nhiều khó khăn về mặt tâm lý và nhận thức. Điều này có thể do học sinh chưa chủ động tích cực, tự giác hoạt động, chưa có những thói quen cần thiết trong quá trình học tập. Từ đó, chúng tôi cho rằng: nếu có biện pháp khắc phục những khó khăn tâm lý, bổ sung những mảng kiến thức còn thiếu sót trong quá trình làm các dạng bài tập về thực hành thành phần câu, phân tích câu của học sinh lớp 5 thì chất lượng làm các bài thực hành này sẽ được nâng cao.

6. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm sáng tỏ các khái niệm cơ bản: hoạt động học, khái niệm học tập, kỹ năng, kỹ năng học tập, câu, kỹ năng phân tích câu.
- Tìm hiểu thực trạng kỹ năng phân tích câu của các khách thể nghiên cứu.
- Xây dựng các bài đo nghiệm nhằm tìm hiểu kỹ năng phân tích câu của học sinh.
- Tìm hiểu những nguyên nhân chủ quan, khách quan ảnh hưởng đến kỹ năng phân tích câu của học sinh lớp nghiên cứu.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hình thành kỹ năng phân tích câu cho học sinh tiểu học.
- Thử nghiệm tác động hình thành kỹ năng phân tích câu cho học sinh ở lớp nghiên cứu thông qua các giải pháp cụ thể.

7. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu đã nêu, đề tài sử dụng một số phương pháp sau:

7.1 Phương pháp nghiên cứu lí luận

Làm sáng tỏ các khái niệm cơ bản liên quan đến đề tài: hoạt động học, khái niệm học tập, kỹ năng, kỹ năng học tập, kỹ năng phân tích câu, khái niệm câu...

7.2 Phương pháp quan sát

- Quan sát cách thức hoạt động của học sinh trong quá trình làm các bài tập mà giáo viên đưa ra.

- Quan sát giáo viên trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học.

7.3 Phương pháp điều tra

Tiến hành điều tra cơ bản về lớp học trước quá trình nghiên cứu về: số lượng học sinh, trình độ hiện tại của học sinh, thành phần học sinh không đạt yêu cầu (khuyết tật, thiếu năng trí tuệ,...), điều kiện học tập của học sinh để tìm hiểu nguyên nhân của thực trạng và tìm ra giải pháp phù hợp.

7.4 Phương pháp phân tích sản phẩm

Phương pháp này dùng để đánh giá khi thu bài của học sinh, phân loại bài làm của học sinh theo cách xếp loại đã đặt ra.

7.5 Phương pháp thử nghiệm tác động

Phương pháp này nhằm để tác động hình thành, phát triển kỹ năng phân tích câu cho học sinh và để chứng minh cho giả thuyết đã nêu.

Đối tượng thử nghiệm tác động là học sinh lớp 5A1 và lớp 5A3 trường Tiểu học Ngô Quyền - Thành phố Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc.

Cụ thể trong khóa luận đã sử dụng phương pháp thử nghiệm tác động như sau: Tiến hành đo thực trạng kỹ năng phân tích câu của học sinh hai lớp 5A1 và 5A3 trường Tiểu học Ngô Quyền qua hệ thống bài tập đã xây dựng. Sau đó tổng hợp, xếp loại học sinh đạt mức trung bình và yếu thành hai nhóm (thực nghiệm và đối chứng). Giáo viên tiến hành xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập để tác động đến nhóm thực nghiệm. Nhóm này sẽ được tác động tích

cực trên cơ sở giáo viên hướng dẫn, nhóm đối chứng không tác động mà chỉ trò chuyện bằng lời. Sau một thời gian, tiến hành kiểm tra lại khả năng phân tích câu của học sinh ở cả hai nhóm và so sánh kết quả.

7.6 Phương pháp xử lý số liệu

Phương pháp này sử dụng để phục vụ cho phần xử lý các kết quả thu được. Dùng toán thống kê để xử lý số liệu, so sánh, đối chiếu để rút ra kết luận.

8. Phạm vi nghiên cứu

Do thời gian hạn chế, đề tài này chỉ nghiên cứu thực trạng kỹ năng phân tích câu của học sinh lớp 5 trường Tiểu học Ngô Quyền.

9. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Đề tài này góp phần tìm hiểu thực trạng kỹ năng phân tích câu của học sinh lớp 5 và thử nghiệm hình thành kỹ năng trên cho học sinh lớp 5. Theo cách này; học sinh có kỹ năng làm các bài tập thực hành về câu, phân tích câu một cách thành thạo, linh hoạt hơn, giúp các em phát triển tốt năng lực kiến thức tiếng Việt.

10. Cấu trúc của khóa luận

MỞ ĐẦU

NỘI DUNG

Chương 1: Cơ sở lý luận của đề tài nghiên cứu.

Chương 2: Thực trạng kỹ năng phân tích câu của học sinh lớp 5.

Chương 3: Thử nghiệm tác động

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. Tổng quan về các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài

1.1.1 Các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học nước ngoài

Nghiên cứu về vấn đề kỹ năng có một số công trình nghiên cứu cơ bản của một số tác giả nước ngoài: Levitop N.D [14]; Petrovski A.V [20].

- Dưới góc độ tâm lý học đại cương, tác giả Levitop N.D đã nghiên cứu về bản chất khái niệm kỹ năng, các giai đoạn, các điều kiện hình thành kỹ năng...

- Các công trình nghiên cứu của Petrovski A.V đã tập trung nghiên cứu kỹ năng hoạt động sư phạm và kỹ năng học tập của học sinh.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu trong nước

Các công trình nghiên cứu của Phạm Minh Hạc, Phạm Hoàng Gia, Trần Trọng Thủy [7]; Nguyễn Kế Hào [8]; Bùi Văn Huệ [13]; Nguyễn Quang Uẩn [23]; Lê Văn Hồng; Lê Ngọc Lan; Nguyễn Văn Thành [10];... đã đề cập đến hoạt động học tập, các vấn đề được làm rõ như: động cơ học tập, mục đích học tập và hoạt động học tập.

Nghiên cứu về kỹ năng học tập của học sinh tiểu học, đại diện tác giả: Nguyễn Kế Hào [9].

Ở Việt Nam, nhiều công trình nghiên cứu về kỹ năng và vấn đề câu tiếng Việt của nhiều nhà ngôn ngữ như Diệp Quang Ban [1], [2], [3]; Hoàng Phê [19];... đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến đề tài. Tuy nhiên chưa có công trình nghiên cứu nào liên quan đến thực trạng kỹ năng phân tích câu của học sinh lớp 5 theo chương trình tiểu học mới. Trên những cơ sở lý luận của những công trình nghiên cứu trên, đề tài này sẽ đi vào tìm hiểu “Thực trạng kỹ năng phân tích câu của học sinh lớp 5 trường Tiểu học Ngô Quyền - Thành phố Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc”.

1.2. Những vấn đề lí luận có liên quan đến đề tài

1.2.1. Hoạt động học tập của học sinh tiểu học

Hoạt động nói chung và hoạt động học tập nói riêng từ lâu đã trở thành đối tượng nghiên cứu của khoa học tâm lý.

Theo tác giả Lê Văn Hồng: “Hoạt động học tập là một loại hoạt động đặc thù của con người được điều khiển bởi mục đích tự giác để lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo mới, những hình thức hành vi và những dạng hoạt động nhất định” [11, tr. 20].

Trong xã hội hiện đại, con người không chỉ học qua sách vở mà còn học trong cuộc sống, học qua các phương tiện truyền thông... thì theo Nguyễn Quang Uẩn: Hoạt động học tập là “hoạt động được thực hiện theo phương thức nhà trường, do người học thực hiện dưới sự hướng dẫn của thầy giáo, nhằm tiếp thu tri thức, khái niệm khoa học và hình thành những kỹ năng, kỹ xảo tương ứng, phát triển trí tuệ và năng lực con người để giải quyết các nhiệm vụ cuộc sống đặt ra” [23, tr. 148]. Hoạt động học tập là hoạt động chủ đạo của học sinh tiểu học.

❖ Cấu trúc của hoạt động học tập

Theo lý thuyết của Đavudor V.V [5] và các tác giả khác, cấu trúc của hoạt động học tập gồm các thành tố: động cơ học tập (nhận thức), nhiệm vụ học tập và các hành động học tập.

1.2.2 Động cơ học tập

Khi con người có nhu cầu học tập, xác định được đối tượng cần đạt thì xuất hiện động cơ học tập. Động cơ học tập là yếu tố thúc đẩy học sinh học, là nguyên nhân của hoạt động học. Hay nói một cách khác, động cơ là cái vì nó mà học sinh phải học. Lêônchiep hiểu động cơ học tập của trẻ em như là sự định hướng của các em đối với việc lĩnh hội tri thức, với việc dành điểm tốt và sự khen ngợi của giáo viên, cha mẹ,...

Theo tác giả Lê Văn Hồng: “Động cơ học tập của học sinh được hiện thân ở đối tượng của hoạt động học; tức là những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, thái độ, giá trị, chuẩn mực,... mà giáo dục sẽ đưa lại cho họ” [11, tr. 92].

Ở học sinh có 2 động cơ: động cơ bên trong và động cơ bên ngoài.

Động cơ bên trong (động cơ nhận thức): là đối tượng của hoạt động học, là kết quả mà sau khi tiếp thu được đối tượng này chủ thể thỏa mãn được nhu cầu nhận thức. Động cơ này được biểu hiện ở hứng thú học và yêu thích môn học.

Động cơ bên ngoài (động cơ xã hội): là động cơ thỏa mãn nhu cầu mà đối tượng của nó bám theo đối tượng của hoạt động học và khi đối tượng của hoạt động học được tiếp thu thì thỏa mãn được nhu cầu đó.

1.2.3 Nhiệm vụ học

Nhiệm vụ học là hình thức cụ thể hóa nội dung học thành mục đích học và phương tiện học. Mục đích học là những tri thức mới, phương pháp mới hoặc kỹ năng mới, nó được hình thành dần dần trong quá trình học sinh hoạt động. Phương tiện học là những tri thức, những hoạt động đã được học sinh nắm vững và nó trở thành công cụ để học sinh đạt được mục đích học.

1.2.4 Hành động học

Hành động học là một yếu tố của hoạt động học, là quá trình học sinh giải quyết nhiệm vụ học. Học sinh giải quyết nhiệm vụ này bằng cách giải quyết các hành động:

- Hành động cải biến tình huống nhằm phát hiện mối quan hệ chung cần xem xét.
- Hành động mô hình hóa quan hệ được phát hiện ở dạng vật thay thế, sơ đồ, kí hiệu.
- Hành động cải biến mô hình nhằm nghiên cứu thuộc tính của nó ở dạng “thuần khiết”.

- Hành động phân tích và thiết lập các nhiệm vụ cụ thể.
- Hành động kiểm tra và đánh giá.

Mỗi một hành động nói trên bao gồm một hệ thống các thao tác. Hệ thống các thao tác này thay đổi tùy thuộc vào những nhiệm vụ cụ thể.

Thực chất của quá trình dạy học là tổ chức cho học sinh thực hiện các hành động học. Theo Hồ Ngọc Đại [4]; Nguyễn Kế Hào [8]; Bùi Văn Huệ [13] và một số tác giả khác thì nó bao gồm 3 loại hành động sau:

- Hành động phân tích: Đây là hành động tiên quyết trong việc lĩnh hội tri thức của học sinh.
- Hành động mô hình hóa: Đây là hành động giúp học sinh ghi lại quá trình và kết quả hành động phân tích dưới dạng mô hình và kí hiệu.
- Hành động cụ thể hóa: Hành động này giúp học sinh vận dụng kỹ năng, phương pháp chung vào việc giải quyết những vấn đề cụ thể.
- Hành động kiểm tra và đánh giá: giúp học sinh điều chỉnh những sai sót trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập.

❖ *Hành động phân tích trong hoạt động học tập của học sinh*

Đây là hành động tiên quyết trong việc lĩnh hội tri thức của học sinh. Mục đích của hành động này là phát hiện ra nguồn gốc, cấu trúc logic của khái niệm chứa đựng trong khả năng nghiên cứu. Trong quá trình học sinh tiếp thu khái niệm thì hành động phân tích là hành động tiên quyết. Tùy thuộc vào hình thức hành động của đối tượng mà hành động phân tích được diễn ra theo hình thức nào. Trình độ thực hiện hành động phân tích tùy thuộc vào sự nắm vững tri thức đã tiếp thu được, bởi vì công cụ của hành động là tri thức.

1.2.5 Kỹ năng

1.2.5.1 Khái niệm kỹ năng

Theo từ điển tiếng Việt: “Kỹ năng là khả năng vận dụng kiến thức đã thu nhận được trong một lĩnh vực nhất định vào thực tế” [19, tr. 520].

Theo Bùi Văn Huệ: “Kỹ năng là sự vận dụng tri thức, khái niệm, định nghĩa, định luật,... vào thực tiễn. Kỹ năng vẫn còn là hành động ý chí đòi hỏi phải động não, suy xét, tính toán, phải có nỗ lực ý chí thì mới hoàn thành được” [13, tr. 156].

Mọi kỹ năng xét về mặt cấu trúc đều bao gồm các thành phần sau:

- Tri thức về phương thức thực hiện các thao tác và hành động cấu thành kỹ năng đó.

- Mục đích hình thành kỹ năng.

- Các thao tác tương ứng với những phương tiện thực hiện các thao tác.

Bất cứ kỹ năng nào cũng dựa trên cơ sở lý thuyết, đó là kiến thức kỹ năng bao giờ cũng gắn với một hành động cụ thể nào đó và được xem như một đặc điểm của hành động. Kỹ năng là mặt kỹ thuật của hành động. Kỹ năng không có đối tượng riêng, đối tượng của nó là đối tượng của hành động. Không có kỹ năng chung chung hay nói cách khác kỹ năng không phải là một hiện tượng tự thân, nó chỉ liên quan đến hành động nhưng về nguyên tắc lại khác hành động.

Để đánh giá một cá nhân có kỹ năng hành động nào đó cần dựa vào những tiêu chuẩn sau: Cá nhân phải hiểu rõ mục đích của hành động các yếu tố (cách thức, điều kiện, phương tiện) để triển khai nó, biết triển khai hành động đúng đắn và thành thực trong thực tiễn. Một hành động còn phạm lỗi hay tốn nhiều thời gian, sức lực chưa thể là hành động có kỹ năng.

Để hình thành được hành động có kỹ năng bao giờ cá nhân cũng phải triển khai hành động ở dạng khái quát nhất, đầy đủ nhất, đồng thời luyện tập dạng này trong các tình huống khác nhau đến mức cá nhân có thể nắm được các quy tắc, quy luật chung của hành động và có thể triển khai nó ở dạng ban đầu.

1.2.5.2. Phân biệt kỹ năng và kỹ xảo

Trong tâm lý học, kỹ xảo được hiểu như một hành động được tự động hóa nhờ luyện tập. Nó có đặc điểm không có sự kiểm soát thường xuyên có ý thức. Động tác mang tính khái quát, không có động tác thừa, kết quả cao mà không tốn năng lượng thần kinh và bắp thịt.

Như vậy, kỹ năng và kỹ xảo về bản chất là thuộc tính kỹ thuật của hành động cá nhân. Chúng được hình thành trên cơ sở các tri thức về hành động đã được lĩnh hội và triển khai trong thực tiễn. Chúng khác nhau ở mức độ của sự thuần thục và tự động hóa hành động. Hành động tự động hóa này vốn là hành động có ý thức, nhưng do luyện tập lặp đi lặp lại nhiều lần mà nó trở thành tự động hóa đến mức không cần có sự kiểm soát trực tiếp, có ý thức mà vẫn được thực hiện có kết quả. Kỹ xảo được hình thành trên cơ sở luyện tập, cũng có kỹ năng tương ứng trong điều kiện ổn định quen thuộc như vậy sẽ dẫn đến sự tự động hóa các thao tác đó và kỹ năng chuyển thành kỹ xảo.

1.2.5.3 Sự hình thành kỹ năng

Thực chất của việc hình thành kỹ năng là hình thành cho học sinh nắm vững một hệ thống phức tạp các thao tác nhằm làm biến đổi và sáng tỏ những thông tin chứa đựng trong học tập, trong nhiệm vụ và nhằm đối chiếu chúng với những hành động cụ thể.

Muốn vậy, khi hình thành kỹ năng (chủ yếu là kỹ năng học tập) cho học sinh cần:

- Giúp các em biết cách tìm tòi để nhận xét ra yếu tố đã cho, yếu tố phải tìm và mối quan hệ giữa chúng.
- Giúp học sinh hình thành một mô hình khái quát để giải quyết các bài tập, các đại lượng cùng loại.
- Xác lập được mối liên hệ giữa bài tập mô hình khái quát và kiến thức tương ứng.

1.2.5.4 Kỹ năng phân tích

Theo triết học Mác - Lênin, một trong những phương pháp nhận thức khoa học, phân tích là phương pháp phân chia cái toàn thể ra thành những bộ phận, những mặt, những yếu tố cấu thành giản đơn hơn. Nhưng phân tích không phải là mục đích cuối cùng của sự nghiên cứu khoa học mà phân tích nhằm phát hiện ra cái toàn thể, phải nhận thức được cấu tạo bên trong, tính chất, chức năng và quy luật phát triển của nó. Muốn đạt được mục đích đó phương pháp phân tích phải đi đôi với phương pháp tổng hợp. Tổng hợp là phương pháp liên kết, thống nhất lại các bộ phận, các mặt và các yếu tố đã được phân tích, vạch ra mối liên hệ của chúng nhằm nhận thức cái toàn thể trong tính muôn vẻ của nó. Phân tích và tổng hợp có cơ sở khách quan trong cấu tạo và trong tính quy luật của bản thân sự vật. Trong hiện thực khách quan, có cái toàn thể và cái bộ phận có yếu tố và hệ thống, có phân tán và kết hợp. Các phương pháp phân tích và tổng hợp của tư duy chỉ là sự phản ánh những sự vật và hiện tượng đó trong quá trình hoạt động thực tiễn của con người.

Theo tâm lý học, các quá trình phân tích - tổng hợp là những thao tác tư duy cơ bản, tất cả những cái tạo thành hành động, trí tuệ đều là những dạng khác nhau của quá trình phân tích và tổng hợp. Vì vậy, để phát triển trí tuệ cần coi trọng việc rèn luyện phân tích - tổng hợp.

Khi có kỹ năng phân tích tức là biết chia cái toàn thể ra thành các thuộc tính, hay thành các khía cạnh khác nhau nằm trong cái toàn thể đó. Còn đối với kỹ năng tổng hợp lại là biết dùng trí óc để hợp các thuộc tính của cái toàn thể đó hay biết kết hợp các thuộc tính hay các khía cạnh khác nhau nằm trong cái toàn thể. Tuy có sự trái ngược nhau nhưng phân tích, tổng hợp lại nằm trong một quá trình thống nhất và có sự liên kết chặt chẽ với nhau và có vai trò quan trọng nhất trong kỹ năng học tập.

1.2.6. Kỹ năng phân tích câu

1.2.6.1 Câu

a. Khái niệm câu

Chương trình tiếng Việt hiện nay không đưa ra định nghĩa về câu. Theo từ điển tiếng Việt thì: “Câu là đơn vị cơ bản của lời nói do từ tạo thành, có một ngữ điệu nhất định, diễn đạt một ý trọn vẹn” [19, tr. 171]. Hay theo tác giả Lê Phương Nga: Câu là một đơn vị được mặc nhiên thừa nhận như một tiên đề trong dạy học tiếng Việt. Bản chất của câu là diễn đạt một ý trọn vẹn. Đây là dấu hiệu quan trọng nhất về khái niệm câu. Câu ứng với một kiểu cấu tạo nhất định, một ngữ điệu nhất định (trên chữ viết, câu có dấu hiệu hình thức là mở đầu bằng một chữ viết hoa và kết thúc bằng dấu chấm câu) [10, tr. 47].

b. Đặc điểm của câu tiếng Việt

Câu tiếng Việt mang những đặc điểm sau:

** Câu mang một nội dung thông báo hoàn chỉnh*

Câu được tạo ra bởi sự thông hiểu giữa người nói với người nghe, người viết với người đọc. Nội dung thông báo phải truyền đạt được một tư tưởng, một tình cảm, một ý nghĩa nào đó nhằm gây được phản ứng của người nghe và người đọc.

Câu phản ánh thực tế và liên quan tới thực tế, nghĩa là nội dung phản ánh hợp quy luật thực tế khách quan.

Ví dụ: Mùa xuân, cây cối đâm chồi nảy lộc.

** Câu là một chỉnh thể ngữ pháp độc lập*

Mỗi câu đều có một cấu trúc ngữ pháp riêng biệt và không liên quan đến kết cấu của câu đứng trước hay đứng sau nó. Các câu được ngăn cách nhau bằng dấu chấm câu.

Ví dụ: Buổi sáng, mặt biển tĩnh lặng và lặn tẩn ngọn sóng. Mặt trời đỏ rực như hòn lửa ở phía cuối chân trời. Những cánh chim hải âu bay liệng chào đón ánh bình minh.

** Câu luôn gắn với một hoàn cảnh giao tiếp*

Câu chỉ có ý nghĩa khi nó được sinh ra trong một hoàn cảnh giao tiếp nhất định. Vì vậy, hoàn cảnh giao tiếp được coi là điều kiện để câu xuất hiện và tồn tại. Câu không gắn với hoàn cảnh giao tiếp là câu vô nghĩa.

** Câu phải có ngữ điệu*

Ngữ điệu là dấu hiệu để kết thúc câu. Khi nói, ngữ điệu thể hiện ở những quãng ngừng, nghỉ. Khi viết, ngữ điệu kết thúc bằng dấu câu.

Ví dụ: Trời xanh thăm, biển cũng xanh thăm, như dâng cao lên, chắc nịch.

1.2.6.2 Kỹ năng phân tích câu

** Khái niệm:* Kỹ năng phân tích câu là khả năng vận dụng những kiến thức về thành phần câu tiếng Việt mà học sinh đã thu nhận được để áp dụng vào làm các bài tập về thực hành thành phần câu.

Kỹ năng phân tích câu là một trong những kỹ năng cơ bản và quan trọng xuyên suốt quá trình học tập trong phân môn Luyện từ và câu của học sinh lớp 4, 5. Ở lớp 4, học sinh đã được làm các dạng bài tập phân tích cấu trúc ngữ pháp của các loại câu kể *Ai làm gì?*, *Ai thế nào?*, *Ai là gì?* theo thành phần câu bao gồm chủ ngữ, vị ngữ và trạng ngữ. Lên lớp 5, tiếp tục kế thừa những kiến thức của lớp 4, học sinh được học thêm về cách phân loại câu: câu đơn, câu ghép đồng thời học sinh cũng được hình thành rèn luyện kỹ năng phân tích câu qua các bài học.

Nói đến phân tích thành phần câu trong tiếng Việt thì không thể không nói đến 2 thành phần chính của câu là chủ ngữ và vị ngữ, tiếp theo đó là các thành phần khác của câu trong đó có trạng ngữ. Dựa trên số lượng các cụm chủ - vị có trong câu mà người ta phân loại câu theo câu đơn và câu ghép.

1.3. Những kiến thức về thành phần câu trong chương trình tiếng Việt lớp 5

1.3.1 Chủ ngữ

Chủ ngữ là thành phần câu trả lời cho câu hỏi *Ai?*, *Cái gì?*, *Con gì?*. Chủ ngữ thường do danh từ hoặc cụm danh từ tạo nên. Trong một câu có thể có một chủ ngữ hoặc nhiều chủ ngữ.

Ví dụ: Bãi Cháy, Sầm Sơn, Nha Trang,... đều là những bãi biển đẹp ở nước ta.

1.3.1.1 Chủ ngữ trong câu kể “Ai làm gì?”

Trong câu kể *Ai làm gì?* Chủ ngữ chỉ người, sự vật (con vật hay đồ vật, cây cối thường được nhân hóa), có hoạt động được nói đến ở vị ngữ.

Ví dụ: Thanh niên lên rẫy, phụ nữ giặt giũ bên những giếng nước.

1.3.1.2 Chủ ngữ trong câu kể “Ai thế nào?”

Trong câu kể *Ai thế nào?*, chủ ngữ chỉ sự vật có đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái được nói đến ở vị ngữ.

Ví dụ: Hà Nội tung bừng màu đỏ.

1.3.1.3. Chủ ngữ trong câu kể “Ai là gì?”

Trong câu kể *Ai là gì?*, chủ ngữ chỉ sự vật được giới thiệu, nhận định ở vị ngữ.

Ví dụ: Văn hóa nghệ thuật cũng là mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.

1.3.2 Vị ngữ

Vị ngữ trả lời cho câu hỏi *Làm gì?*, *Thế nào?*, *Là gì?*.

Vị ngữ thường do động từ hoặc cụm động từ, tính từ hoặc cụm tính từ, từ *là* + *danh từ* (hoặc cụm danh từ) tạo thành.

Một câu có thể có một vị ngữ hoặc nhiều vị ngữ.

Ví dụ: Chúng em học, chơi, nghỉ ngơi theo thời gian hợp lí.

1.3.2.1 Vị ngữ trong câu kể “Ai làm gì?”

Trong câu kể *Ai làm gì?*, vị ngữ nêu lên hoạt động của người, sự vật (con vật, đồ vật, cây cối và chúng thường được nhân hóa).

Ví dụ: Những chú chim chích chòe đua nhau hót vang trên cành cây.

1.3.2.2 Vị ngữ trong câu kể “Ai thế nào?”

Trong câu kể *Ai thế nào?*, vị ngữ nêu lên đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái của sự vật.

Ví dụ: Hà Nội tung bùng trong sắc đỏ.

1.3.2.3 Vị ngữ trong câu kể “Ai là gì?”

Trong câu kể *Ai là gì?*, vị ngữ thường giới thiệu, nhận định về sự vật.

Vị ngữ trong câu kể *Ai là gì?* thường nối với chủ ngữ bằng từ *là*.

Ví dụ: Bố em là kỹ sư.

1.3.3 Trạng ngữ

Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích,... của sự vật được nêu trong câu.

Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi: *khi nào?*, *ở đâu?*, *vì sao?*, *để làm gì?*.

Ví dụ: Ngày xưa, rùa có một cái mai láng bóng.

* Các loại trạng ngữ

* *Trạng ngữ chỉ nơi chốn:*

Trạng ngữ chỉ nơi chốn là thành phần phụ của câu làm rõ nơi chốn diễn ra sự việc nêu trong câu.

Trạng ngữ chỉ nơi chốn trả lời cho câu hỏi: *Ở đâu?*.

Ví dụ: Trên cành cây, chim hót líu lo.

* *Trạng ngữ chỉ thời gian:*

Trạng ngữ chỉ thời gian là thành phần phụ của câu làm rõ thời gian diễn ra của sự việc nêu trong câu.

Trạng ngữ chỉ thời gian trả lời cho câu hỏi: *bao giờ?*, *khi nào?*, *mấy giờ?*.

Ví dụ: Sáng nay, chúng em đi lao động.

* *Trạng ngữ chỉ nguyên nhân:*

Trạng ngữ chỉ nguyên nhân là thành phần phụ của câu giải thích nguyên nhân sự việc hoặc tình trạng nêu trong câu.

Trạng ngữ chỉ nguyên nhân trả lời cho câu hỏi: *vì sao?*, *nhờ đâu?*, *tại sao?*.

Ví dụ: Vì rét, những cây bàng rụng hết lá.

** Trạng ngữ chỉ mục đích*

Trạng ngữ chỉ mục đích là thành phần phụ của câu làm rõ mục đích diễn ra sự việc nêu trong câu.

Trạng ngữ chỉ mục đích trả lời cho câu hỏi: *để làm gì?, nhằm mục đích gì?, vì cái gì?*

Ví dụ: Để đạt học sinh giỏi, Nam đã cố gắng chăm chỉ học tập.

** Trạng ngữ chỉ phương tiện*

Trạng ngữ chỉ phương tiện là thành phần phụ của câu làm rõ phương tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu.

Trạng ngữ chỉ phương tiện thường mở đầu bằng từ *bằng, với*.

Trạng ngữ chỉ phương tiện trả lời cho câu hỏi: *Bằng cái gì?, với cái gì?*

Ví dụ: Bằng một giọng chân tình, thầy giáo khuyên chúng em cố gắng học tập.

1.3.4 Các loại câu

Câu chứa đựng một tập hợp từ ngữ kết hợp với nhau theo một quy tắc nhất định, diễn đạt một ý tương đối trọn vẹn, dùng để thực hiện một mục đích nói năng nào đó.

** Dấu hiệu nhận biết câu:* Khi nói, câu phải có ngữ điệu kết thúc, khi viết, cuối câu phải đặt một trong các dấu câu: dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.

1.3.4.1 Câu đơn

Câu đơn là câu do một cụm chủ ngữ (CN) - vị ngữ (VN) (gọi tắt là cụm C-V) tạo nên.

Ví dụ: Mùa xuân // đã về.

CN VN

1.3.4.2 Câu ghép

** Khái niệm:* Câu ghép là câu do nhiều vế câu ghép lại với nhau. Vế câu trong câu ghép thường có cấu tạo giống câu đơn (là cụm C-V). Giữa các vế câu ghép có những mối quan hệ nhất định.

Ví dụ: Hễ con chó / đi chậm, con khi / cấu hai tai con chó giật giật. Con chó / chạy sai thì con khi / gò lưng như người phi ngựa.

** Cách nối các vế câu trong câu ghép*

Có 4 cách nối các vế câu trong câu ghép:

- *Nói bằng từ ngữ có tác dụng nối*

Ví dụ: Súng kíp của ta mới bắn một phát thì súng của họ đã bắn được năm, sáu mươi phát.

- *Nói trực tiếp, không dùng từ ngữ có tác dụng nối*

Trong trường hợp này, giữa các vế câu phải dùng dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm.

Ví dụ: Cảnh tượng xung quanh tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay, tôi đi học.

- *Nói các vế câu trong câu ghép bằng quan hệ từ*

Giữa các vế câu trong câu ghép có nhiều kiểu quan hệ khác nhau. Để biểu thị những mối quan hệ đó, có thể sử dụng các quan hệ từ để nối các vế câu với nhau. Để nối các vế câu trong câu ghép, có thể sử dụng quan hệ từ:

+ Quan hệ từ: và, rồi, thì, nhưng, hay, hoặc,...

+ Các cặp quan hệ từ: vì...nên... , do...nên..., bởi... nên..., tại... nên..., nhờ...nên..., nếu... thì..., tuy... nhưng..., mặc dù... nhưng..., chẳng những...mà còn..., để...thì..., ..v..v...

Một số quan hệ giữa các vế câu trong câu ghép:

Nguyên nhân - kết quả: Để thể hiện quan hệ nguyên nhân - kết quả giữa hai vế câu ghép, có thể sử dụng:

+ Quan hệ từ: vì, bởi, do, nên, cho nên,...

+ Các cặp quan hệ từ: vì...nên..., bởi vì...nên...

Điều kiện - kết quả, giả thiết - kết quả: Để thể hiện quan hệ điều kiện - kết quả, giả thiết - kết quả giữa hai vế câu trong câu ghép, có thể sử dụng:

+ Quan hệ từ: nếu, hễ, giá, thì,...

+ Cặp quan hệ từ: nếu...thì..., hễ...thì..., hễ mà...thì...

Quan hệ tương phản trong câu ghép, có thể sử dụng:

+ Quan hệ từ: tuy, dù, mặc, nhưng,...

+ Cặp quan hệ từ: tuy...nhưng..., mặc dù...nhưng..., dù...nhưng...

Quan hệ tăng tiến: Để chỉ các quan hệ tăng tiến trong câu ghép có thể dùng cặp quan hệ từ: không những...mà còn..., không chỉ...mà còn...

Quan hệ mục đích: Để chỉ các quan hệ mục đích giữa các vế câu ghép có thể sử dụng các quan hệ từ: để, thì,... hay các cặp quan hệ từ: để...thì...

- *Nói các vế câu trong câu ghép bằng cặp từ hô ứng*

Để thể hiện quan hệ về nghĩa giữa các vế câu, ngoài quan hệ từ ta còn có thể nói các vế câu ghép bằng một số cặp từ hô ứng như:

- vừa... đã...; chưa... đã...; mới... đã...; vừa... vừa...; càng... càng...

- đâu... đấy; nào... ấy; sao... vậy; bao nhiêu... bấy nhiêu.

Ví dụ: Trời càng nắng gắt, hoa giấy càng bồng lên rực rỡ.

Giữa các vế câu ghép trong câu ghép có nhiều kiểu quan hệ khác nhau. Để thể hiện những mối quan hệ đó, ngoài các quan hệ từ, có thể sử dụng các cặp từ hô ứng để nối các vế câu với nhau.

1.4. Phương pháp dạy thực hành thành phần câu

1.4.1. Tầm quan trọng của việc dạy thực hành thành phần câu

Chương trình tiếng Việt ở tiểu học nói chung và chương trình phân môn Luyện từ và câu nói riêng là chương trình thực hành. Phân môn Luyện từ và câu có nhiệm vụ chủ yếu là hình thành, rèn luyện và phát triển kỹ năng sử dụng tiếng mẹ đẻ cho học sinh tiểu học. Vì vậy, dạy Luyện từ và câu là phải tổ chức cho học sinh luyện tập, thực hành, có như thế việc dạy học phân môn này mới đạt hiệu quả như mong muốn.

Dạy ngữ pháp trong tiết Luyện từ và câu cũng chủ yếu là dạy thực hành (ngữ pháp thực hành). Chương trình có dạy lí thuyết ngữ pháp nhưng

mục đích cuối cùng của việc dạy lí thuyết ngữ pháp là vận dụng chúng một cách có hiệu quả vào thực hành ngữ pháp và sử dụng chúng một cách có ý thức để thể hiện chính xác tư tưởng, tình cảm trong giao tiếp. Dạy thực hành ngữ pháp là khâu không thể thiếu trong dạy học ngữ pháp. Khâu thực hành ngữ pháp nhằm:

- Làm sáng tỏ và củng cố các khái niệm, quy tắc ngữ pháp. Từ đó, học sinh nhận thức sâu rộng, vừa khái quát, vừa cụ thể về khái niệm và quy tắc ngữ pháp.

- Rèn luyện các năng lực phân tích, lĩnh hội có cơ sở khoa học các hiện tượng ngữ pháp từ đó hiểu và cảm các sản phẩm giao tiếp ngôn ngữ một cách chính xác, tinh tế.

- Nâng cao năng lực viết và nói đảm bảo phù hợp với các quy tắc ngữ pháp, thích hợp với hoàn cảnh giao tiếp, đạt được trình độ trong sáng chuẩn mực của tiếng Việt. Đồng thời phát hiện và sửa chữa được những lỗi thường mắc trong hoạt động giao tiếp.

Để đạt được mục đích nói trên, việc thực hành ngữ pháp cần tuân thủ các nguyên tắc gắn lí thuyết với thực hành, nguyên tắc tích cực hóa và ý thức hóa kinh nghiệm ngôn ngữ của học sinh, nguyên tắc kết hợp với phát triển tư duy và phát triển ngôn ngữ, nguyên tắc hướng vào hoạt động giao tiếp,... Cần quán triệt nội dung nguyên tắc này trong xây dựng nội dung thực hành và cả trong phương pháp tiến hành thực hành.

Thực hành trong dạy học tiếng Việt nói chung và trong dạy học ngữ pháp nói riêng có vị trí vô cùng quan trọng và có ý nghĩa to lớn trong quá trình tổ chức dạy học. Có dạy học thực hành, môn Tiếng Việt mới phát hiện được mục tiêu đầu tiên của chương trình tiếng Việt là “hình thành và phát triển ở học sinh các kỹ năng sử dụng tiếng Việt để học tập và giao tiếp trong các môi trường hoạt động của lứa tuổi”.

1.4.2 Nội dung dạy thực hành

Thực hành trong ngữ pháp nhất thiết phải được dạy một cách có định hướng, có kế hoạch thông qua hệ thống bài tập. Các bài tập thực hành ngữ pháp ở tiểu học thường gồm các dạng bài tập sau:

1.4.2.1. Dạy bài tập phân tích, nhận diện thành phần câu

Dạng bài tập này nhằm giúp học sinh củng cố và nắm vững kiến thức về cấu tạo ngữ pháp của câu và giúp các em có kỹ năng phân tích các thành phần câu.

Khi thực hành loại bài tập này giáo viên cần hướng dẫn học sinh thực hiện các bước sau:

- Căn cứ vào đặc trưng khái niệm ngữ pháp, vận dụng vào ngữ liệu của bài tập để xác định đối tượng cần nhận diện, phân tích.

- Phân tích đối tượng tìm được để xác định đặc điểm của nó, xem nó có đáp ứng đặc trưng của khái niệm lý thuyết không

Ví dụ: Trong các câu sau đây, câu nào có đầy đủ hai bộ phận chủ ngữ, vị ngữ?

+ Trong vườn, những con chim chích chòe và chim sâu.

+ Trong vườn, những con chim chính chòe và chim sâu đang hót vang.

Để làm bài tập này, giáo viên hướng dẫn học sinh dựa vào dấu hiệu nội dung và hình thức của câu. Khi làm bài, học sinh đọc từng câu, xét xem bộ phận câu nào trả lời cho câu hỏi Ai? (*Cái gì?*, *Con gì?*), bộ phận nào trả lời cho câu hỏi *Làm gì?* (*Thế nào?*, *Là gì?*). Câu nào trả lời được cho các câu hỏi đặt ra và nêu được ý trọn vẹn, làm cho người khác hiểu được thì đó là câu đúng ngữ pháp.

** Bài tập đặt câu hỏi cho bộ phận được in đậm*

Ví dụ: Đặt câu hỏi cho các bộ phận được in đậm trong các câu văn sau:

“Trời nắng chang chang, **tiếng tu hú** gần xa ran ran. Hoa ngô **xơ xác như cỏ may**. **Lá ngô** quất lại rủ xuống. Những bắp ngô **đã mập và chắc**, **chỉ còn chờ tay người đến bẻ mang về**”.

Kiểu bài tập này giúp học sinh ôn luyện quy tắc ngữ pháp: cách tìm chủ ngữ, vị ngữ của câu. Giáo viên gợi ý học sinh nhận ra các kiểu câu kể có trong đoạn văn, từ đó đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi cho từng bộ phận in đậm.

** Bài tập yêu cầu thêm các thành phần câu hoặc quan hệ từ để tạo câu*

Hai dạng bài tập này yêu cầu học sinh kết hợp các thành phần câu, thêm các thành phần câu để tạo câu.

Để giải được bài tập dạng này, học sinh phải xác lập được sự tương hợp giữa chủ ngữ với vị ngữ, trạng ngữ với vế câu. Với đề bài có thể yêu cầu ghép từng bộ phận trạng ngữ ở bên trái với bộ phận chủ ngữ - vị ngữ ở bên phải để tạo câu thích hợp, hoặc có thể cho dạng bài tập cho sẵn cụm chủ ngữ - vị ngữ và yêu cầu thêm bộ phận trạng ngữ để tạo câu thích hợp.

Ví dụ: Thêm trạng ngữ chỉ nguyên nhân cho 2 vế câu sau:

a., An-be Anh-xtanh được nhận giải Nôben.

b., Ga-li-lê và Cô-pec-nich bị giáo hội kết tội.

** Bài tập cho sẵn câu, xác định các thành phần câu*

Bài tập cho sẵn câu hay đoạn văn, yêu cầu học sinh xác định các bộ phận chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ. Có thể hoặc tìm chủ ngữ, hoặc vị ngữ, hoặc tìm trạng ngữ, cũng có thể tìm cả ba bộ phận đó.

Ví dụ: Xác định các thành phần câu trong đoạn văn sau:

“Những buổi bình minh, mặt trời còn bẽn lễn núp sau sườn núi, phong cảnh nhuộm những màu sắc đẹp lạ lùng. Hòn núi từ màu xám xịt đổi ra màu tím sẫm, từ màu tím sẫm đổi ra màu hồng, rồi từ màu hồng đổi ra màu vàng nhạt. Cho đến lúc mặt trời chễm chệ ngồi trên chòm mây, ngọn núi mới trở lại màu xanh biếc thường ngày của nó”.

1.4.2.2 Dạy bài tập cấu trúc

Bài tập cấu trúc được xây dựng từ dễ đến khó. Loại bài tập này vừa có tác dụng củng cố khái niệm và quy tắc ngữ pháp vừa rèn luyện năng lực tạo lập các sản phẩm mới.

Khi hướng dẫn học sinh thực hiện dạng bài tập cấu trúc, giáo viên cần chú ý đến các bước:

- Giúp học sinh nắm vững các yêu cầu của đề bài và hiểu rõ ngữ liệu đã cho.

- Thực hiện đúng các yêu cầu của đề bài.

- Kiểm tra lại sản phẩm mới theo yêu cầu luyện tập và theo các chuẩn ngôn ngữ.

Bài tập cấu trúc gồm các kiểu bài sau:

* *Bài tập ghép các bộ phận chủ ngữ ở bên trái với bộ phận vị ngữ thích hợp ở bên phải để tạo thành câu*

Ví dụ: Ghép từ ngữ thích hợp ở cột A với từ ngữ thích hợp ở cột B để tạo thành câu kể *Ai làm gì?*

A

Những chú voi

Em bé

Mẹ em

B

đang tập đi

đang biểu diễn xiếc

quạt cho em bé ngủ

* *Bài tập thêm thành phần câu (điền thành phần câu thích hợp vào chỗ trống)*

Ví dụ: Thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn cho những câu sau:

a. ..., những chú chó đang biểu diễn xiếc nghệ thuật.

b. ..., xe cộ đi lại đông như mắc cửi.

c. ..., chim đang hát.

Để làm được các dạng bài tập trên học sinh phải xác lập được sự tương hợp giữa chủ ngữ với vị ngữ, giữa trạng ngữ với nòng cốt câu. Giáo viên hướng dẫn, định hướng để học sinh thực hiện xác lập sự tương hợp đó.

* *Bài tập thêm vế câu để tạo câu hoàn chỉnh*

Ví dụ: Thêm một vế câu vào chỗ trống để tạo thành câu ghép:

- a. Nếu em đạt giải trong kỳ thi giao lưu học sinh giỏi,
- b. Mẹ em đang nấu cơm trong bếp,
- c. Bầu trời càng trong xanh,

Bài tập này đòi hỏi học sinh phải nắm được kiến thức về cách nối các vế câu ghép bằng các quan hệ từ, cặp từ hô ứng và sắp xếp lại các mối quan hệ đó viết về câu ghép còn thiếu tạo thành câu ghép hoàn chỉnh.

1.4.2.3. Dạy bài tập sáng tạo

Mục đích chủ yếu của loại bài tập này là rèn luyện năng lực ngôn ngữ cho học sinh tiểu học. Bài tập sáng tạo yêu cầu học sinh tự mình tạo nên sản phẩm ngôn ngữ theo một yêu cầu nào đó.

Dạy học sinh thực hành loại bài tập sáng tạo, giáo viên cần hướng dẫn học sinh thực hiện tốt các bước sau:

- Phân tích yêu cầu của bài tập và phân tích mẫu hoặc phần ngữ liệu cho sẵn.
- Tiến hành các thao tác tạo lập sản phẩm sao cho đáp ứng đúng và đủ các yêu cầu của bài tập.
- Kiểm tra lại sản phẩm theo các yêu cầu và đối chiếu với mẫu, sửa chữa, điều chỉnh sản phẩm nếu sai sót.

Các kiểu bài tập sáng tạo bao gồm:

** Cho sẵn từ đảm nhiệm một chức năng ngữ pháp nhất định, yêu cầu đặt câu*

Ví dụ: Đặt câu với những từ ngữ sau làm chủ ngữ

- a. Chú công nhân
- b. Bà em
- c. Chú mèo con

Ví dụ 2: Dùng các từ ngữ dưới đây để đặt thành câu kể *Ai là gì?*

- a. là một vùng đất rộng lớn.

b. là quê hương của Bác Hồ.

c. là một người anh hùng dũng cảm.

** Cho sẵn mô hình, yêu cầu đặt câu (đặt câu theo mô hình)*

Ví dụ: Đặt một câu có trạng ngữ chỉ nguyên nhân

** Bài tập vận dụng các thành phần câu để viết văn*

Ví dụ: Viết một đoạn văn ngắn từ 3 đến 5 câu kể về một lần em được đi xem lễ hội ở một nơi nào đó, trong đó có ít nhất một câu dùng trạng ngữ.

Đây là loại bài tập kết hợp giữa bài tập đặt câu theo mô hình và bài tập sáng tạo, giáo viên gợi ý để học sinh đặt câu đúng ngữ pháp và theo mô hình đã yêu cầu. Giáo viên hướng dẫn học sinh bổ sung thêm để câu có độ lớn, có cấu trúc cú pháp phức tạp và có sức biểu hiện cao. Đáp án của kiểu bài tập này rất đa dạng, đoạn văn chỉ bị quy định bởi nội dung (kể về một lần được đi chơi xa, tả con vật mà em yêu thích,...) và quy định rõ về ngữ pháp (một câu có trạng ngữ, một câu có trạng ngữ chỉ phương tiện,...) còn lại là yêu cầu viết câu đúng ngữ pháp. Vì vậy, nó có thể là tập hợp những câu rất cụ thể rất khác nhau với cấu trúc đa dạng, phong phú.

1.5. Quy trình dạy thực hành thành phần câu

Quy trình dạy thực hành cũng là các bước hướng dẫn học sinh làm bài tập. Giáo viên phải nắm được mục đích bài tập tương ứng với vấn đề đang nghiên cứu, cũng như ý nghĩa hoạt động của nó trong giao tiếp của học sinh nói chung, nắm được cơ sở xây dựng bài tập, tuân tự thực hiện và phải có mẫu lời giải đúng.

Dạy bài tập ngữ pháp nói chung, bài tập thành phần câu nói riêng là tổ chức, hướng dẫn học sinh làm bài tập, bao gồm các bước sau:

- Hướng dẫn học sinh xác định yêu cầu của bài tập

Muốn học sinh làm được bài tập, giáo viên phải ra bài tập cụ thể, có nội dung rõ ràng để học sinh dễ dàng nắm được yêu cầu bài tập. Thông thường

các bài tập dễ hiểu, sau khi đọc học sinh có thể nắm ngay yêu cầu của bài tập, nhận biết ngay vấn đề bài tập đặt ra cần giải quyết. Tuy nhiên cũng có bài tập khó hoặc diễn đạt không đầy đủ, giáo viên cần hướng dẫn học sinh xác định yêu cầu của bài thật kĩ lưỡng và chính xác. Đây là khâu định hướng vì định hướng đúng sẽ thực hiện tốt bài tập, định hướng sai sẽ giải bài tập sai.

- Hướng dẫn học sinh cách làm bài

Gợi ý của giáo viên không chung chung nhưng cũng không quá cụ thể, chi tiết và phải phù hợp với học sinh, có tác dụng định hướng, gợi mở, dẫn dắt cho học sinh trong việc giải bài tập. Quan trọng nhất là giáo viên phải nắm vững được trình tự giải bài tập, theo dõi được quá trình thực hiện của học sinh.

- Hướng dẫn học sinh kiểm tra, đánh giá bài tập đã làm

Giáo viên hướng dẫn học sinh đối chiếu bài tập đã làm với yêu cầu của bài tập đặt ra hoặc đối chiếu với kết quả giáo viên đưa ra hoặc cho học sinh kiểm tra chéo bài của nhau. Sau đó giáo viên rút ra nhận xét chung nhất về bài làm của các em.

1.6. Một số đặc điểm tâm lý của học sinh giai đoạn 2 bậc Tiểu học

Học sinh tiểu học là một thực thể hồn nhiên, hiếu động, phát triển cả về tâm lí và sinh lí. Đặc điểm là học sinh giai đoạn 2 (lớp 4, 5) có sự phát triển không ngừng về trí tuệ.

Về tri giác: tri giác của học sinh ở giai đoạn này đã đạt đến trình độ phân biệt, nghĩa là học sinh phân biệt được những dấu hiệu đặc trưng và không đặc trưng của đối tượng. Tuy nhiên các em nhiều khi phân biệt đối tượng vẫn còn bị nhầm lẫn.

Về khả năng chú ý: Chú ý có chủ định phát triển hơn ngay cả khi có động cơ sai. Nhưng khi giờ học không hấp dẫn thì chú ý chủ định không bền vững.

Về trí nhớ: Do yêu cầu của hoạt động học của giai đoạn này, học sinh phải ghi nhớ các công thức, quy tắc,... để giải bài tập, để tiếp thu tri thức mới

nên trí nhớ có chủ định đang được hình thành và phát triển. Tuy nhiên vẫn còn chưa ổn định, đôi khi các em vẫn còn chịu ảnh hưởng của trí nhớ máy móc, làm được bài tập áp dụng là do làm đi làm lại nhiều lần đó còn thời gian sau thì quên.

Về khả năng tưởng tượng: Phát triển phương pháp mang tính hiện thực hơn tuy nhiên còn tản mạn ít có tổ chức.

Tư duy của học sinh ở giai đoạn này: tư duy cụ thể còn đang phát triển, tư duy trừu tượng đang dần dần chiếm ưu thế, nghĩa là học sinh có khả năng thực hiện các thao tác trí tuệ với ngôn ngữ, các loại kí hiệu ở các môn học để tiếp thu tri thức khả năng khái quát của học sinh ở giai đoạn này bắt đầu được hình thành, học sinh bắt đầu dựa vào các dấu hiệu bản chất của đối tượng để khái quát thành kỹ năng. Những đặc điểm tâm lý nói trên, có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng làm các bài tập tiếng Việt nói chung và chất lượng làm các bài tập phân tích câu nói riêng.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KỸ NĂNG PHÂN TÍCH CÂU CỦA HỌC SINH LỚP 5

2.1. Thực trạng kỹ năng phân tích câu của học sinh lớp 5 trường Tiểu học Ngô Quyền

Ở lớp 5, học sinh được dạy và làm các bài tập về phân tích câu chủ yếu trong các tiết học Luyện từ và câu. Để tìm hiểu thực trạng kỹ năng phân tích câu của học sinh lớp 5 trường Tiểu học Ngô Quyền, tôi đã tiến hành điều tra thực trạng này trong các tiết học Luyện từ và câu của 90 em học sinh trong 2 lớp 5A1 và 5A3 tại trường.

Trước khi tiến hành khảo sát chất lượng phân tích câu của 2 lớp này, tôi đã tiến hành điều tra và thực hiện một số công việc sau:

- Điều tra, nắm bắt tình hình số lượng và học lực của các em học sinh trong lớp và được biết đây là các lớp đại trà, học sinh có trình độ tương đối đồng đều nhau.

- Trò chuyện, trao đổi với học sinh đồng thời xem vở bài tập của các em để biết được mức độ làm bài tập có liên quan đến các bài tập đo nghiệm đã được soạn và sẽ được đưa ra khảo sát.

- Soạn các bài tập đo nghiệm bao gồm các dạng bài tập phân tích câu để khảo sát học sinh trong quá trình tìm hiểu thực trạng.

- Đưa ra các mức độ đối với các dạng bài tập, sau khi thu bài khảo sát của học sinh, tiến hành phân tích và xử lý đưa ra các số liệu để đi đến kết luận của thực trạng.

Dưới đây là các bài tập được soạn theo phân phối chương trình tiếng Việt 5 và các yêu cầu, cách xếp loại đối với mỗi dạng bài:

Bài 1: Hãy dùng dấu gạch (/) để phân tách bộ phận trạng ngữ, chủ ngữ, vị ngữ và gạch chân, ghi tên các bộ phận ấy dưới những câu sau đây:

a. Mùa xuân, những cánh mai vàng rực rỡ như ánh nắng phương Nam.

b. Ngoài đường, xe cô đi lại đông như mắc cửi.

c. Ngày ấy, cô là một thiếu nữ xinh đẹp.

- Yêu cầu: Học sinh tìm đúng trạng ngữ, chủ ngữ, vị ngữ trong câu.

- Xếp loại:

+ Loại giỏi: Tìm đúng 3 câu.

+ Loại khá: Tìm đúng 2 câu.

+ Loại trung bình: Tìm đúng 1 câu.

+ Loại yếu: Không tìm đúng câu nào.

Bài 2: Thêm một vế câu vào chỗ trống để tạo thành câu ghép:

a. Những con chim chích chòe bay nhảy,

b. Vì em được điểm 10,

c. Trong những câu chuyện cổ tích, người tốt sẽ được nhận một kết thúc có hậu, còn.....

- Yêu cầu: Thêm một vế câu phù hợp, đầy đủ thành phần để tạo thành câu ghép.

- Xếp loại:

+ Loại giỏi: Thêm đúng vế câu phù hợp, đầy đủ thành phần cho 3 câu.

+ Loại khá: Thêm đúng vế câu phù hợp, đầy đủ thành phần cho 2 câu.

+ Loại trung bình: Thêm đúng vế câu phù hợp, đầy đủ thành phần cho 1 câu.

+ Loại yếu: Không thêm được đúng vế câu cho câu nào.

Bài 3: Em hãy tìm các quan hệ từ, cặp quan hệ từ hoặc cặp từ hô ứng thích hợp để điền vào chỗ trống trong những câu sau:

a. nhà nghèo nhưng bạn ấy luôn có tinh thần vượt khó trong học tập.

b. Cuối tuần này bố em được nghỉ,.... cả nhà em sẽ về quê thăm ông bà ngoại.

c. Trời....tạnh mưa, những chú chim mẹ.... rời khỏi tổ để đi kiếm mồi.

d. Nam chăm chỉ học hành,.... cậu ấy đã không bị điểm kém trong kì thi.

- Yêu cầu: Điền đúng các quan hệ từ, cặp quan hệ từ hoặc cặp từ hô ứng thích hợp vào mỗi chỗ trống trong câu.

- Xếp loại:

+ Loại giỏi: Điền đúng 4 câu.

+ Loại khá: Điền đúng 3 hoặc 2 câu.

+ Loại trung bình: Điền đúng 1 câu.

+ Loại yếu: Không điền đúng câu nào.

Bài 4: Em hãy dùng từ ngữ **Bà em** để làm chủ ngữ đặt thành:

a. Một câu kể *Ai làm gì?*

b. Một câu kể *Ai thế nào?*

c. Một câu kể *Ai là gì?*

- Yêu cầu: Đặt đúng mẫu câu, đảm bảo sự tương hợp về chủ ngữ và vị ngữ.

- Xếp loại:

+ Loại giỏi: Đặt đúng 3 câu theo mẫu câu.

+ Loại khá: Đặt đúng 2 câu theo mẫu câu.

+ Loại trung bình: Đặt đúng 1 câu theo mẫu câu.

+ Loại yếu: Không đặt đúng câu nào.

Bài 5: Viết đoạn văn từ 5 đến 7 câu miêu tả một người bạn thân của em.

- Yêu cầu: Đảm bảo đoạn văn viết về nội dung mà đề bài yêu cầu, trình bày sạch, đẹp về mặt hình thức.

- Xếp loại: Tùy theo mức độ và bài viết mà giáo viên linh hoạt xếp loại bài làm của học sinh:

- + Loại giỏi: Viết đoạn văn đúng, diễn đạt hay.
- + Loại khá: Viết đoạn văn đúng nhưng diễn đạt chưa hay.
- + Loại trung bình: Viết đoạn văn đúng, diễn đạt lủng củng.
- + Loại yếu: Viết đoạn văn chưa đúng hoặc chưa viết được đoạn văn hoặc diễn đạt quá lủng củng.

2.2. Kết quả thu được qua quá trình khảo sát

Tiến trình khảo sát được thực hiện như sau:

- + Phát đề cho học sinh, yêu cầu các em đọc kỹ yêu cầu của đề bài trước khi làm bài.

- + Học sinh làm bài kiểm tra trong một khoảng thời gian là 45 phút.

Tổng hợp số liệu thu được thông qua việc dự giờ và các bài kiểm tra, đo nghiệm đã giúp đánh giá bước đầu về trình độ kỹ năng phân tích câu của học sinh lớp 5 trường Tiểu học Ngô Quyền như sau:

Bài	Xếp loại							
	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
Bài	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Bài 1	59	65,6	31	34,4	0	0	0	0
Bài 2	49	54,4	41	45,6	0	0	0	0
Bài 3	63	70	27	30	0	0	0	0
Bài 4	42	46,7	33	36,6	7	7,8	8	8,9
Bài 5	34	37,8	38	42,2	9	10	9	10

Bảng 1: Kết quả khảo sát thực trạng kỹ năng phân tích câu của lớp 5A1 và lớp 5A3 trường Tiểu học Ngô Quyền (90 học sinh)

Nhìn vào bảng số liệu với kết quả thu được của quá trình khảo sát ta thấy ở các bài tập 1 (BT1), bài tập 2 (BT2) và bài tập 3 (BT3) học sinh làm tương đối tốt. Số lượng học sinh xếp loại giỏi trong làm các dạng bài tập này chiếm từ hơn 50 % trở lên, loại trung bình và yếu không có. Như vậy, các em nắm rất chắc phần kiến thức và kỹ năng của các dạng bài tập này.

Ở bài tập 4 (BT4) và bài tập 5 (BT5) đã có nhiều khó khăn trong kỹ năng làm bài. Cụ thể: ở BT4, tỉ lệ phần trăm học sinh xếp loại trung bình là 7,8 % tương ứng với 7 em trong tổng số 90 em, tỉ lệ phần trăm học sinh xếp loại yếu là 8,9 % tương ứng với 8 em trên tổng số 90 học sinh. Còn đối với BT5, có 9 học sinh xếp loại trung bình trên tổng số 90 học sinh chiếm 10 %, tỉ lệ phần trăm học sinh xếp loại yếu cũng chiếm tới 10 % tương ứng với 9 em. Như vậy, kết quả khảo sát đã cho thấy rõ những yếu kém trong việc giải quyết các dạng bài tập về mẫu câu kể và sử dụng câu trong viết đoạn văn của học sinh.

2.3. Một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thực trạng trên

2.3.1. Đối với học sinh đạt mức khá, giỏi

- Trường có đội ngũ giáo viên dày dặn về kinh nghiệm cũng như công tác giảng dạy và trình độ chuyên môn cao. Vì vậy, trường Tiểu học Ngô Quyền là một trong những trường luôn đi đầu về các cuộc thi như: cuộc thi trạng nguyên, giao lưu học sinh giỏi cũng như về chất lượng dạy học khá tốt trong toàn tỉnh Vĩnh Phúc.

- Về mặt nhận thức: các em tương đối nhanh nhạy và linh hoạt trong giải quyết các tình huống có vấn đề. Vì vậy, ở mạch kiến thức cũng như kỹ năng về phân tích câu các em đều nắm vững và được ôn luyện nhuần nhuyễn qua quá trình học. Với bộ phận học sinh đạt loại khá, ví dụ ở BT1 học sinh đạt loại khá chiếm tới 34,4 % là do các em còn mắc lỗi xác định trạng ngữ, chủ ngữ - vị ngữ ở câu sau: Mùa xuân, những cánh mai vàng rực rỡ như ánh nắng phương Nam.

Ở câu này học sinh có những cách xác định chủ - vị như sau:

- Mùa xuân, những cánh mai vàng rực rỡ / như ánh nắng phương Nam.

- Mùa xuân, những cánh mai / vàng rực rỡ như ánh nắng phương Nam.

Nguyên nhân của loại lỗi này là do các em chưa nắm chắc lý thuyết về thành phần câu, vốn từ của các em còn hạn chế và còn nhầm lẫn.

2.3.2. Đối với học sinh đạt mức trung bình, yếu

- Mạch kiến thức về thành phần câu, phân tích cấu trúc ngữ pháp trong câu tương đối rộng và có sự đa dạng về các dạng bài tập. Do đó, học sinh không chú ý nghe giảng hay chưa nắm vững về phần kiến thức nào thì các em rất khó có thể vận dụng để làm các bài tập luyện tập thực hành. Trên đây còn tồn tại một số học sinh xếp loại trung bình và yếu là do các em chưa chú ý nghe giảng, chưa nắm vững kiến thức để hình thành kỹ năng giải quyết các bài tập nên còn nhiều sai sót trong quá trình làm bài.

- Đối với BT4, đòi hỏi học sinh phải biết vận dụng một cách linh hoạt lý thuyết vào bài tập, phải biết nhận diện các loại câu kể bằng cách hiểu và phân tích được vị ngữ mình viết cho mẫu câu ấy thể hiện hành động gì, đánh giá khả năng gì hay nói gì về chủ ngữ đã cho... để vận dụng làm bài. Nhưng ở đây, học sinh vẫn chưa phân tách được ý nghĩa của vị ngữ nên còn nhầm lẫn trong quá trình làm bài.

Ví dụ ở BT4, học sinh còn nhầm lẫn câu kể *Ai là gì?* với câu kể *Ai thế nào?*. Có em học sinh viết câu với mẫu câu kể *Ai là gì?* như sau: *Bà em là người trông rất khỏe mạnh và hoạt bát*. Một số em còn bỏ trống vì chưa viết được câu với những mẫu câu cho sẵn như thế này.

- Do lớp học cũng tương đối đông nên giáo viên chưa chú ý quan tâm tới những học sinh có nhận thức chậm hơn những học sinh khác trong lớp.

- Học sinh chưa phát huy được tính tích cực, tự giác của mình trong học tập, các em thường có tư tưởng ngại làm các bài tập khó, chưa có tính học hỏi

ở bạn bè và hỏi giáo viên. Khi làm các bài tập nhóm, một số em thường có thói quen ỉ lại vào những học sinh khá hơn, chưa tự giác tư duy trong làm bài.

- Đôi khi giáo viên chưa chú ý đến việc hướng dẫn các em phân tích đề trước khi làm hoặc có phân tích nhưng cách phân tích chưa sâu, chưa chú trọng nhấn mạnh vấn đề nên những học sinh có nhận thức chậm chưa kịp hiểu ra vấn đề.

- Việc sửa lỗi cho học sinh của giáo viên không được thực hiện một cách có hệ thống và bài bản mà chỉ thường đưa ra các lỗi sai, chưa nhấn mạnh tại sao sai và chỉ đưa ra cách sửa cụ thể trong trường hợp đó mà chưa đưa ra được cách sửa tổng quát trong các trường hợp tương tự.

- Hiện nay, bậc Tiểu học không được giao bài tập về nhà khiến cho việc rèn luyện, củng cố kiến thức, kỹ năng cho học sinh bị hạn chế.

- Vì hoàn cảnh gia đình một số học sinh trong lớp còn nhiều khó khăn, các em phải giúp đỡ bố mẹ làm những công việc gia đình nên không có nhiều thời gian học tập như những em học sinh khác.

2.4. Những biện pháp cần thiết để nâng cao kỹ năng phân tích câu cho học sinh lớp 5

2.4.1. Về phía giáo viên

- Giáo viên phải luôn trau dồi kiến thức dạy học thực hành thành phần câu, từ loại cũng như lựa chọn các phương pháp dạy học sao cho phù hợp với đối tượng học sinh của mình.

- Giáo viên cần định hướng cho học sinh về việc phân tích yêu cầu của đề bài và cách làm mỗi dạng bài tập để các em không còn gặp trở ngại khi gặp các bài tập tương tự.

- Giáo viên cần tạo hứng thú học tập cho học sinh trong giờ học tiếng Việt nói chung và trong mảng kiến thức về thực hành thành phần câu nói riêng.

- Giáo viên cần quan tâm hơn nữa đối với những đối tượng học sinh trung bình và yếu trong lớp, theo dõi tình hình học tập của các em xem có tiến bộ gì không để tìm cách điều chỉnh phương pháp dạy.

- Giáo viên cần có biện pháp chủ động kết hợp giữa giáo dục nhà trường và giáo dục gia đình để các em luôn được giáo dục ở mọi môi trường sao cho quá trình học tập đạt hiệu quả tốt nhất.

2.4.2. Về phía học sinh

- Học sinh phải chủ động, tự giác, tích cực hơn nữa trong việc học tập của mình, lâu dần sẽ hình thành cho các em hứng thú đối với môn học nói chung và kiến thức về thành phần câu nói riêng.

- Học sinh cần chú ý nghe giảng và nắm vững kiến thức nhất định về thành phần câu, nắm vững các mảng kiến thức cơ bản trong giờ học lý thuyết. Muốn xác định được chủ ngữ, vị ngữ trong câu trước hết cần hiểu:

+ Chủ ngữ nêu đối tượng thông báo, trả lời cho câu hỏi *Ai, Cái gì?, Con gì?*.

+ Vị ngữ chứa đựng nội dung thông báo về đối tượng, trả lời cho câu hỏi *Làm gì?, Thế nào?, Là gì?*.

- Dựa vào những nội dung khái quát trên, tùy từng trường hợp cụ thể mà ta có cách xác định danh giới giữa chủ ngữ và vị ngữ.

Ví dụ: ở BT1, để xác định chính xác trạng ngữ, chủ ngữ, vị ngữ trong câu “ Mùa xuân, những cánh mai vàng rục rờ như ánh nắng phương Nam”, trước tiên các em cần hiểu từ “vàng” là tính từ nhưng khi kết hợp với “những cánh mai” tạo nên cụm danh từ nên nó không thể tách rời nhau. Còn tính từ “rục rờ” được dùng để chỉ tính chất của “những cánh mai vàng” nên nó chính là thành phần vị ngữ trong câu. Câu này thuộc dạng câu kể *Ai thế nào?* nên để xác định chủ ngữ học sinh cần tìm bộ phận trả lời cho câu hỏi *Cái gì* “rục rờ như ánh nắng phương Nam” Với cách phân tích như vậy học sinh sẽ dễ dàng xác định

chính xác chủ ngữ và vị ngữ trong câu: *Mùa xuân là trạng ngữ, những cánh mai vàng là chủ ngữ và rực rỡ như ánh nắng phương Nam là vị ngữ.*

- Học sinh cần phải được tiếp xúc nhiều câu mẫu để có khả năng nhận diện được thành phần câu, qua đó rèn luyện cho các em kỹ năng phân tích cấu trúc ngữ pháp của câu.

- Sau khi học sinh hoàn thành bài tập, giáo viên tổ chức cho các em tự nhận xét, đánh giá của bạn, của mình để tự mình phát hiện ra lỗi sai, nguyên nhân sai và tự chữa lỗi cho mình. Sau đó giáo viên đưa ra đáp án để học sinh đối chiếu với bài làm của các em để có cơ sở hoàn thành bài tập.

CHƯƠNG 3: THỬ NGHIỆM TÁC ĐỘNG

3.1. Mở đầu

3.1.1 Mục tiêu thử nghiệm

Chất lượng kỹ năng phân tích câu của học sinh phụ thuộc vào mức độ kiến thức mà các em nắm được tương ứng với các dạng bài tập về kỹ năng này cùng với đặc điểm của hoạt động học và cách thức hướng dẫn, giảng dạy của giáo viên.

Mục tiêu thử nghiệm là bằng phương pháp dạy học, hình thành cho học sinh kỹ năng phân tích câu ở các dạng bài tập học sinh hay mắc lỗi nhằm nâng cao kỹ năng học tập trong quá trình làm bài về thực hành thành phần câu.

3.1.2 Nội dung thử nghiệm

Nội dung thử nghiệm được tiến hành theo các hình thức sau:

- Soạn ra hệ thống bài tập nhằm:
 - + Tác động bằng cách hướng dẫn học sinh làm các dạng bài tập mà học sinh hay mắc lỗi và cho kết quả làm bài ở xếp loại trung bình và yếu.
 - + Giúp học sinh củng cố tri thức đã được tiếp thu từ bài học lý thuyết.
- Qua quá trình làm các bài tập giáo viên phát hiện và sửa lỗi sai cho học sinh. Thông qua đó học sinh cũng tự rút ra kinh nghiệm để phát hiện ra những lỗi sai của mình và tự giác giải quyết nhiệm vụ của bài học.

3.1.3 Tiến hành dạy thử nghiệm

Quá trình thử nghiệm tác động sẽ dựa trên kết quả từ các số liệu thu thập được qua quá trình khảo sát. Do thời gian có hạn, đề tài sẽ tiến hành thử nghiệm tác động đối với những học sinh trung bình và học sinh yếu với số lượng học sinh này là 26 em.

Nhóm học sinh có xếp loại trung bình và yếu khi làm các BT4 và BT5 sẽ được chia làm 2 nhóm. Nhóm thứ nhất (nhóm 1) là nhóm thử nghiệm.

Nhóm thứ hai (nhóm 2) là nhóm đối chứng (nhóm này không tác động). Đối với nhóm thử nghiệm tác động bằng các biện pháp sau:

- Giáo viên tiến hành cho học sinh ôn tập các kiến thức về chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ, phân loại câu, câu kể để học sinh nắm vững, qua đó vận dụng vào làm các dạng bài tập.

- Giáo viên tổ chức cho học sinh học phụ đạo để nhận diện, làm các dạng bài tập, đồng thời sửa chữa những sai sót của học sinh một cách có hệ thống và đưa ra những cách khắc phục để học sinh sửa cái sai của mình.

Trong quá trình hướng dẫn học sinh làm bài tập, giáo viên cần đưa ra các dạng bài mà học sinh có những nhầm lẫn dẫn đến tình trạng làm sai bài tập:

* Với dạng bài đặt câu theo các mẫu câu kể “Ai làm gì?”, “Ai thế nào?”, “Ai là gì?”

- Để học sinh nhận diện được các mẫu câu kể, giáo viên tiến hành hướng dẫn học sinh phân tích bản chất của hai câu sau:

Ví dụ 1: Đọc hai câu sau và trả lời các câu hỏi:

- a. Thỏ chạy nhanh hơn rùa.
- b. Thỏ lấy hết sức băng qua cánh đồng để đến kịp giờ thi.

Giáo viên đưa ra câu hỏi đối với học sinh:

+ Trong hai câu trên, câu nào nói về khả năng, câu nào nói về hành động của thỏ?

+ Theo em, câu nói về khả năng của thỏ, vị ngữ trả lời cho câu hỏi gì?

+ Câu nói về hành động của thỏ, vị ngữ trả lời cho câu hỏi gì?

+ Câu a thuộc kiểu câu kể nào?

+ Câu b thuộc kiểu câu kể nào?

Giáo viên gọi học sinh trả lời và sau đó chốt lại câu trả lời đúng:

Trong hai câu trên, câu a đánh giá về khả năng chạy của thỏ, có vị ngữ trả lời cho câu hỏi “Thỏ thế nào?” nên câu a thuộc kiểu câu kể “*Ai thế nào?*”.

Còn câu b kể về hành động của thỏ, vị ngữ trả lời cho câu hỏi “Thỏ làm gì?” nên câu b thuộc kiểu câu kể “*Ai làm gì?*”.

- Giáo viên đưa ra các câu theo cấu trúc các kiểu câu kể, yêu cầu học sinh nêu được câu đó thuộc loại câu kể gì?

Ví dụ 2: Em hãy cho biết các câu sau thuộc kiểu câu kể gì?

- a. Minh học toán giỏi.
- b. Minh là người cao nhất lớp 5A1.
- c. Minh đang làm bài tập tiếng Việt.

Học sinh sẽ dễ dàng phát hiện ra chủ ngữ và vị ngữ của các câu trên, giáo viên hướng dẫn học sinh:

+ Để biết được mỗi câu trên thuộc loại câu kể gì em hãy phân tích xem vị ngữ của từng câu trên nói về điều gì?

Ví dụ 2: Em hãy chỉ ra trong các câu sau, câu nào đúng câu nào sai, với những câu sai hãy sửa lại cho đúng.

- a. “Con mèo đang vờn chuột” là câu được đặt theo mẫu câu *Ai làm gì?*
- b. “Mẹ em có dáng người dong dỏng” là câu được viết theo mẫu câu *Ai là gì?*
- c. “Em bé đang tập đi” là câu được viết theo mẫu câu *Ai thế nào?*
- d. “Bố em là người yêu thương con cái hết mực” là câu được viết theo mẫu câu *Ai là gì?*

Sau khi cho học sinh đọc đề bài giáo viên tiến hành cho học sinh nhận xét sự đúng sai của các câu và cho học sinh sửa lại những câu sai, sau đó giáo viên nhận xét câu trả lời của học sinh.

* Với dạng bài tập yêu cầu viết đoạn văn (BT5)

Tùy từng đề bài cụ thể mà giáo viên hướng dẫn học sinh sử dụng kiểu câu kể nào là chủ yếu.

+ Với dạng văn kể về những việc được chứng kiến hoặc tham gia, học sinh có thể sử dụng kiểu câu kể *Ai thế nào?* Hoặc *Ai làm gì?* Nhiều hơn kiểu câu *Ai là gì?*

+ Với dạng văn miêu tả sự vật, con người; học sinh có thể sử dụng kiểu câu *Ai là gì?* và *Ai thế nào?* là chủ yếu.

Muốn làm được bài tập dạng này học sinh phải nắm vững cấu trúc thành phần câu để viết câu chuẩn ngữ pháp. Giáo viên cần nhắc nhở học sinh trước khi làm bài nên đọc kỹ yêu cầu của đề bài để định hướng đúng cách làm, tránh lạc đề. Trước khi viết đoạn văn, học sinh cũng cần phải định hình cách làm hoặc có thể lập dàn ý cho đoạn văn của mình; tránh trường hợp câu lủng củng về mặt nội dung và sự sắp xếp lộn xộn giữa các câu trong đoạn. Học sinh cần tập trung sử dụng trí nhớ, tư duy, trí tưởng tượng của mình để xác định mình cần kể gì, tả gì về sự vật, sự việc mà đề đã yêu cầu. Học sinh cần vận dụng linh hoạt các kiểu câu đã được học và vốn kinh nghiệm của mình để viết đoạn văn đạt hiệu quả cao nhất.

Ví dụ: Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 câu) miêu tả một khu vườn vào mùa đơm hoa, kết trái.

Với này học sinh có thể miêu tả khu vườn của nhà mình hoặc khu vườn nào đó mà học sinh đã từng đến thăm.

Giáo viên tiến hành cho học sinh trả lời câu hỏi theo các gợi ý sau:

+ Bài tập yêu cầu gì? (xác định yêu cầu)

+ Khu vườn rộng thế nào?

+ Những cây trong vườn nhà em do ai trồng? (nếu học sinh định viết về khu vườn nhà mình).

+ Mùa cây cối đơm hoa, kết trái là mùa nào? (nếu học sinh tả về khu vườn nào đó mà học sinh đã từng đến thăm thì giáo viên có thể đưa ra câu hỏi gợi ý: Em đến thăm khu vườn đó khi nào?)

+ Trong vườn nhà em (khu vườn em đã từng đến thăm) có những loại cây gì?

+ Khi những cây trong vườn đơm hoa, kết trái em thấy có mùi hương gì đặc biệt?

+ Chim chóc trong vườn bay lượn và hót thế nào khi vào mùa cây cối đơm hoa, kết trái?

+ Em có tình cảm như thế nào đối với khu vườn?

Giáo viên cho học sinh viết thành dàn ý của đoạn văn, yêu cầu học sinh làm bài vào nháp và sau đó viết vào vở. Sau khi học sinh đã hoàn thành, giáo viên cho một vài em đọc bài làm của mình trước lớp và gọi học sinh nhận xét bài làm của bạn.

Giáo viên sửa lỗi cho những học sinh đọc bài trước lớp. Tiến hành thu vở của những học sinh còn lại, chấm và sửa lỗi cho các em.

3.1.4 Khách thể thử nghiệm và đối chứng

Khách thể thử nghiệm là 13 em học sinh nhóm 1.

Khách thể đối chứng là 13 em học sinh nhóm 2.

3.2 Kết quả nghiên cứu

Căn cứ vào các dạng bài tập được đưa ra trong chương trình tiếng Việt 5, nội dung của phần thực hành thành phần câu và nội dung hai dạng BT4(1) và BT5(2), tôi đã xây dựng cho học sinh lớp 5 bài tập để điều tra mức độ kỹ năng phân tích câu của học sinh ở nhóm thử nghiệm và nhóm đối chứng thông qua hai dạng bài tập này; từ đó nhằm nâng cao chất lượng kỹ năng phân tích câu cho học sinh. Tôi tiến hành cho học sinh cả hai nhóm làm bài tập trước và sau khi thực hiện những tác động vào nhóm thử nghiệm (nhóm 1).

Các bài tập được soạn để tiến hành thực nghiệm, đối chứng như sau:

(1) Em hãy dùng từ ngữ **Em bé** để làm chủ ngữ đặt thành:

a. Một câu kể *Ai làm gì?*

b. Một câu kể *Ai thế nào?*

c. Một câu kể *Ai là gì?*

- Yêu cầu: Đặt đúng mẫu câu, đảm bảo sự tương hợp về chủ ngữ và vị ngữ.

- Xếp loại:

- + Loại giỏi: Đặt đúng 3 câu theo mẫu câu.
- + Loại khá: Đặt đúng 2 câu theo mẫu câu.
- + Loại trung bình: Đặt đúng 1 câu theo mẫu câu.
- + Loại yếu: Không đặt đúng câu nào.

(2) Viết đoạn văn từ 5 đến 7 câu miêu tả cảnh bình minh.

- Yêu cầu: Đảm bảo đoạn văn viết về nội dung mà đề bài yêu cầu, trình bày sạch, đẹp về mặt hình thức.

- Xếp loại: Tùy theo mức độ và bài viết mà giáo viên linh hoạt xếp loại bài làm của học sinh:

- + Loại giỏi: Viết đoạn văn đúng, diễn đạt hay.
- + Loại khá: Viết đoạn văn đúng nhưng diễn đạt chưa hay.
- + Loại trung bình: Viết đoạn văn đúng, diễn đạt lủng củng.
- + Loại yếu: Viết đoạn văn chưa đúng hoặc chưa viết được đoạn văn hoặc diễn đạt quá lủng củng.

- Giáo viên phát cho mỗi học sinh một phiếu bài tập, yêu cầu học sinh làm bài trong khoảng thời gian nhất định.

- Học sinh ghi ra giấy phần bài làm của mình.

- Giáo viên thu lại và phân tích số liệu.

Bảng 2: Kết quả kỹ năng phân tích câu của 2 nhóm học sinh thông qua 2 bài tập (1) và (2) trước khi thử nghiệm (26 học sinh)

Bài	Xếp loại							
	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 1	Nhóm 2
(1)	0% (0 HS)	0% (0 HS)	7,7% (1 HS)	15,4% (2 HS)	53,8% (7 HS)	61,5% (8 HS)	38,5% (5 HS)	23,1% (3 HS)
(2)	0% (0HS)	0% (0 HS)	7,7% (1 HS)	7,7% (1 HS)	69,2% (9 HS)	53,8% (7 HS)	23,1% (3 HS)	38,5% (5 HS)

Kết quả điều tra ở bảng 2 cho thấy trước khi dạy thử nghiệm, tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi là 0%, vậy là chưa có học sinh xếp loại giỏi ở 2 bài tập này. Tỉ lệ phần trăm học sinh xếp loại khá chênh lệch khá cao so với học sinh xếp loại trung bình và yếu.

- Tỉ lệ học sinh xếp loại khá nhóm 1 ở bài tập (1) và bài tập (2) đều chiếm tỉ lệ là 7,7%, trong khi đó học sinh trung bình ở 2 bài tập là 53,8% và 69,2% và tỉ lệ học sinh yếu ở bài tập (1) chiếm tới 38,5%.

- Ở nhóm 2 cũng có kết quả gần giống như vậy, tỉ lệ học sinh khá ở bài tập (1) là 15,4%, ở bài tập (2) có 1 học sinh xếp loại khá chiếm 7,7%; trong khi đó học sinh trung bình và yếu chiếm tỉ lệ khá cao lên tới 61,5% (học sinh trung bình) ở bài tập (1), 53,8% ở bài tập (2) học sinh yếu chiếm 23,1% và 38,5% ở (2) bài tập.

Như vậy, ta thấy tỉ lệ học sinh xếp loại trung bình và yếu còn quá cao, ngược lại tỉ lệ học sinh xếp loại khá và giỏi lại quá thấp.

Qua bảng số liệu trên cũng chỉ ra rằng, nhìn chung ở cả 2 nhóm có sự tương xứng về kỹ năng phân tích câu thông qua 2 dạng bài tập này là gần giống nhau. Như vậy, có thể kết luận trình độ hiện có của 2 nhóm học sinh (nhóm thử nghiệm và nhóm đối chứng) là tương đương nhau. Do đó, tôi tiến hành dạy thử nghiệm ở nhóm 1 (nhóm thử nghiệm) trong thời gian 2 tuần. Sau đó cho học sinh cả hai nhóm làm lại bài tập lần trước.

Kết quả điều tra được thực hiện trong bảng sau:

Bảng 3: Kết quả kỹ năng phân tích câu của 2 nhóm học sinh thông qua bài tập (1) và (2) sau khi thử nghiệm ở nhóm 1

Bài	Xếp loại							
	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
	Nhóm1 (thử nghiệm)	Nhóm 2 (đôi chứng)	Nhóm 1 (thử nghiệm)	Nhóm 2 (đôi chứng)	Nhóm1 (thử nghiệm)	Nhóm 2 (đôi chứng)	Nhóm1 (thử nghiệm)	Nhóm 2 (đôi chứng)
(1)	38,5%	0%	61,5%	15,4%	0%	61,5%	0%	23,1%
	(5 HS)	(0 HS)	(8 HS)	(2 HS)	(0 HS)	(8 HS)	(0 HS)	(3 HS)
(2)	30,8%	0%	61,5%	15,4%	7,7%	53,8%	0%	30,8 %
	(4HS)	(0 HS)	(8 HS)	(2 HS)	(1 HS)	(7 HS)	(0 HS)	(4 HS)

Kết quả điều tra cho chúng ta so sánh được tỉ lệ học sinh đạt mức khá, giỏi và học sinh trung bình, yếu ở nhóm thử nghiệm và nhóm đối chứng có sự chênh lệch nhau rõ rệt. Ở nhóm thử nghiệm (nhóm 1), số học sinh có kỹ năng phân tích câu thông qua bài tập (1) đạt loại giỏi chiếm 38,5%, xếp loại khá chiếm 61,5% , không còn học sinh nào xếp loại trung bình và yếu. Ở nhóm đối chứng (nhóm 2), tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi vẫn chưa có, tỉ lệ học sinh xếp loại khá cũng chưa nhiều, chiếm 15,4% ở mỗi bài tập. Đặc biệt ở nhóm đối chứng tỉ lệ học sinh đạt mức trung bình và yếu đã có khoảng cách khá xa so với nhóm thử nghiệm, nhóm này vẫn còn học sinh xếp loại yếu chiếm trong khoảng từ hơn 20 đến 30% và học sinh xếp loại trung bình vẫn chiếm tỉ lệ ưu thế (61,5% ở bài tập (1) và 53,8% ở bài tập (2)).

Nhìn chung, so với nhóm đối chứng, ở nhóm thử nghiệm (nhóm 1), số lượng học sinh đạt xếp loại giỏi (38,5% ở bài tập (1) và 30,8% bài tập (2)) và khá (61,5% ở mỗi bài tập) tăng lên nhiều so với kết quả trước khi thử nghiệm, đặc biệt không còn học sinh xếp loại yếu. Sở dĩ có được kết quả như vậy ở nhóm thử nghiệm là do trong quá trình dạy học thử nghiệm các buổi học phụ

đạo, tôi chú ý nhấn mạnh, khắc sâu lý thuyết dạng bài tập này thông qua việc hướng dẫn học sinh làm bài.

Như vậy, số liệu điều tra trên đây giúp chúng ta có thêm cơ sở để khẳng định: qua quá trình thử nghiệm tác động, học sinh đã nắm vững kiến thức, vận dụng lý thuyết vào làm các dạng bài tập về phân tích câu, học sinh học tập tích cực hơn, huy động trí nhớ, trí tưởng tượng và khả năng vận dụng kinh nghiệm thực tiễn để làm bài tập. Đồng thời qua quá trình thử nghiệm tác động ta thấy sự tiến bộ rõ rệt của học sinh bằng các kết quả thử nghiệm đã thu được, điều đó cũng đồng nghĩa với việc quá trình thử nghiệm tác động đã có hiệu quả, những phương pháp áp dụng khi thử nghiệm tác động là đúng đắn và tích cực.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1. Học sinh lớp 5 là lớp cuối cấp, chuẩn bị bước sang một cấp học mới nên cần phải có nền tảng vững chắc khi sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt - tiếng mẹ đẻ để phục vụ cho các bậc học kế tiếp trong quá trình nghe, nói, đọc, viết và tạo lập văn bản. Câu có vai trò vô cùng quan trọng xuyên suốt quá trình học tập môn tiếng Việt, nó giúp học sinh vận dụng vào trong giao tiếp, ứng xử của học sinh trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện kỹ năng phân tích câu giúp học sinh thấy rõ bản chất, thành phần câu tiếng Việt, từ đó học sinh sẽ biết cách sử dụng câu chuẩn ngữ pháp và biểu đạt được nội dung cần thông báo một cách rõ ràng, đầy đủ. Chính vì vậy, việc nghiên cứu về kỹ năng phân tích câu của học sinh lớp 5 là cần thiết, hình thành, rèn luyện kỹ năng phân tích câu cho học sinh lớp 5 là rất quan trọng.

2. Qua quá trình khảo sát thực trạng kỹ năng phân tích câu của học sinh lớp 5 trường Tiểu học Ngô Quyền cho thấy: bên cạnh những học sinh làm tốt các dạng bài tập về thực hành câu thì vẫn còn một số em gặp khó khăn trong kỹ năng phân tích câu do các em chưa phát huy hết khả năng tư duy, sáng tạo của mình. Nhưng qua quá trình thử nghiệm ta nhận thấy kết quả đã tốt hơn, mức độ kỹ năng phân tích câu của học sinh đạt kết quả cao hơn. Từ đó có thể nói rằng, giả thuyết nghiên cứu của đề tài đưa ra là hoàn toàn đúng, những phương pháp áp dụng khi thử nghiệm đã được tác động có hiệu quả.

3. Qua quá trình khảo sát thực trạng, đề tài đã chỉ ra một số nguyên nhân và đề xuất biện pháp nhằm khắc phục những mặt hạn chế về kỹ năng phân tích câu của học sinh lớp 5 trường Tiểu học Ngô Quyền, góp phần nâng cao chất lượng dạy học thực hành phân tích câu cho học sinh.

4. Khóa luận chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót về mặt nội dung, hình thức và cách diễn đạt. Vì vậy rất mong nhận được sự góp ý của

các thầy cô giáo, các bạn sinh viên quan tâm đến vấn đề này để khóa luận được hoàn thiện hơn.

2. Kiến nghị

1. Giáo viên cần lựa chọn, phối hợp các phương pháp dạy học phù hợp để đưa vào trong chương trình giảng dạy tiếng Việt. Qua đó cũng cần tận dụng tối đa và có hiệu quả thời gian quy định trên lớp để áp dụng đưa các phương pháp dạy học phù hợp với trình độ nhận thức của mọi học sinh sao cho tất cả các em đều nắm vững những kiến thức cơ bản và vận dụng vào làm các dạng bài tập về thành phần câu.

2. Hiện nay các em học sinh tiểu học không được giao bài tập về nhà theo quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo đó cũng là một trong những vấn đề rất bất cập để các em tự rèn luyện thêm các kỹ năng học tập ở nhà. Vì vậy, vấn đề này cần phải được xem xét lại và đưa ra những giải pháp phù hợp để các em tự bổ sung kiến thức liên tục cho mình.

3. Các bậc phụ huynh cần phối hợp với nhà trường và giáo viên chủ nhiệm, chú ý kèm cặp các em tại gia đình nhằm củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng cho các em.

4. Ngoài giờ học chính khóa, các nhà trường tiểu học nên chú trọng đến hình thức tổ chức học phụ đạo cho học sinh nhằm rèn luyện thêm hoặc nâng cao kiến thức của các em. Qua đó phát hiện được những sai sót của học sinh trong quá trình giải quyết các dạng bài tập cũng như phát hiện ra những học sinh có năng khiếu.

5. Giáo viên cần sát sao hơn nữa trong việc phân loại các nhóm học sinh để từ đó bố trí, sắp xếp chỗ ngồi hợp lý giữa các em học sinh khá, giỏi và trung bình, yếu để các em được cọ sát và giúp đỡ lẫn nhau trong học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban, *Câu đơn Tiếng Việt*, NXB Giáo dục, H. (1987).
2. Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp Tiếng Việt tập 2*, NXB Giáo dục (2008).
3. Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp Việt Nam thành phần câu*, NXB Đại học Sư phạm (2009).
4. Hồ Ngọc Đại (1983), *Tâm lý học dạy học*, NXB Giáo dục.
5. Đavudor V.V, *Các dạng khái quát hóa trong dạy học*, ĐHS 1, 1978.
6. Phạm Minh Hạc - Lê Khanh - Trần Trọng Thủy (1988), *Tâm lý học - tập 1*, NXB Giáo dục.
7. Phạm Minh Hạc (chủ biên) - Lê Khanh - Phạm Hoàng Gia - Trần Trọng Thủy (1989), *Tâm Lý học - tập 2*.
8. Nguyễn Kế Hào, *Học sinh tiểu học và nghề dạy học ở tiểu học*, NXB Giáo dục, 1992.
9. Nguyễn Kế Hào, *Sự phát triển trí tuệ của học sinh đầu*
10. *tiểu học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội (2002).
11. Lê Văn Hồng - Lê Ngọc Lan - Nguyễn Văn Thành (1998), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Giáo dục Quốc gia, Hà Nội.
12. Lê Văn Hồng (1995), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Giáo dục.
13. Lê Văn Hồng (1996), *Tâm lý học sư phạm*, NXB Giáo dục.
14. Bùi Văn Huệ (1995), *Giáo trình tâm lý học tiểu học*, Đại học Sư phạm Hà Nội.
15. Levitop N.D (1970), *Tâm lý học trẻ em và tâm lý học sư phạm*, NXB Giáo dục.
16. Dương Thị Hồng Lê, Khóa luận: *Những điểm mới trong phân môn “Luyện từ và câu” lớp 5 chương trình năm 2000 - 2004*.
17. Lêônchiep A.N (1989), *Hoạt động ý thức nhân cách*, NXB Giáo dục Hà Nội.

18. Ninh Thị Mai, Khóa luận: *Kỹ năng phân tích câu của học sinh lớp 4 trường Tiểu học Liên Minh - thành phố Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc - 2010.*
19. Lê Phương Nga, *Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt ở tiểu học*, NXB ĐHSP.
20. Hoàng Phê (1994), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
21. Petrovski A.V (1982), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, tập 1,2, NXB Giáo dục Hà Nội.
22. Đinh Hồng Quỳnh, Khóa luận: *Thực trạng kỹ năng viết bài tập làm văn của học sinh lớp 4 - 2009.*
23. Nguyễn Minh Thuyết - Nguyễn Văn Hiệp, *Thành phần câu Tiếng Việt*, NXB Giáo dục, HN (2004).
24. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên) (2003), *Tâm lý học đại cương*, NXB Giáo dục.
25. *Sách giáo khoa tiếng Việt 5*, NXB Giáo dục, 2008.

PHỤ LỤC

Phiếu số 1 (dùng đo thực trạng)

Bài 1: Hãy dùng dấu gạch (/) để phân tách bộ phận trạng ngữ, chủ ngữ, vị ngữ và gạch chân, ghi tên các bộ phận ấy dưới những câu sau đây:

a. Mùa xuân, những cánh mai vàng rực rỡ như ánh nắng phương Nam.

b. Ngoài đường, xe cộ đi lại đông như mắc cửi.

c. Ngày ấy, cô là một thiếu nữ xinh đẹp.

- Yêu cầu: Học sinh tìm đúng trạng ngữ, chủ ngữ, vị ngữ trong câu.

- Xếp loại:

+ Loại giỏi: Tìm đúng 3 câu.

+ Loại khá: Tìm đúng 2 câu.

+ Loại trung bình: Tìm đúng 1 câu.

+ Loại yếu: Không tìm đúng câu nào.

Bài 2: Thêm một vế câu vào chỗ trống để tạo thành câu ghép:

a. Những con chim chích chòe bay nhảy,

b. Vì em được điểm 10,

c. Trong những câu chuyện cổ tích, người tốt sẽ được nhận một kết thúc có hậu, còn.....

- Yêu cầu: Thêm một vế câu phù hợp, đầy đủ thành phần để tạo thành câu ghép.

- Xếp loại:

+ Loại giỏi: Thêm đúng vế câu phù hợp, đầy đủ thành phần cho 3 câu.

+ Loại khá: Thêm đúng vế câu phù hợp, đầy đủ thành phần cho 2 câu.

+ Loại trung bình: Thêm đúng vế câu phù hợp, đầy đủ thành phần cho 1 câu.

+ Loại yếu: Không thêm được đúng vế câu cho câu nào.

Bài 3: Em hãy tìm các quan hệ từ, cặp quan hệ từ hoặc cặp từ hô ứng thích hợp để điền vào chỗ trống trong những câu sau:

a. nhà nghèo nhưng bạn ấy luôn có tinh thần vượt khó trong học tập.

b. Cuối tuần này bố em được nghỉ, cả nhà em sẽ về quê thăm ông bà ngoại.

a. Trờitạnh mưa, những chú chim mẹ rời khỏi tổ để đi kiếm mồi.

b. Nam chăm chỉ học hành, cậu ấy đã không bị điểm kém trong kì thi.

- Yêu cầu: Điền đúng các quan hệ từ, cặp quan hệ từ hoặc cặp từ hô ứng thích hợp vào mỗi chỗ trống trong câu.

- Xếp loại:

+ Loại giỏi: Điền đúng 4 câu.

+ Loại khá: Điền đúng 3 hoặc 2 câu.

+ Loại trung bình: Điền đúng 1 câu.

+ Loại yếu: Không điền đúng câu nào.

Bài 4: Em hãy dùng từ ngữ **Bà em** để làm chủ ngữ đặt thành:

a. Một câu kể *Ai làm gì?*

b. Một câu kể *Ai thế nào?*

c. Một câu kể *Ai là gì?*

- Yêu cầu: Đặt đúng mẫu câu, đảm bảo sự tương hợp về chủ ngữ và vị ngữ.

- Xếp loại:

+ Loại giỏi: Đặt đúng 3 câu theo mẫu câu.

+ Loại khá: Đặt đúng 2 câu theo mẫu câu.

+ Loại trung bình: Đặt đúng 1 câu theo mẫu câu.

+ Loại yếu: Không đặt đúng câu nào.

Bài 5: Viết đoạn văn từ 5 đến 7 câu miêu tả một người bạn thân của em.

- Yêu cầu: Đảm bảo đoạn văn viết về nội dung mà đề bài yêu cầu, trình bày sạch, đẹp về mặt hình thức.

- Xếp loại: Tùy theo mức độ và bài viết mà giáo viên linh hoạt xếp loại bài làm của học sinh:

- + Loại giỏi: Viết đoạn văn đúng, diễn đạt hay.
- + Loại khá: Viết đoạn văn đúng nhưng diễn đạt chưa hay.
- + Loại trung bình: Viết đoạn văn đúng, diễn đạt lủng củng.
- + Loại yếu: Viết đoạn văn chưa đúng hoặc chưa viết được đoạn văn hoặc diễn đạt quá lủng củng.

2. Những tác động vào nhóm thử nghiệm

Quá trình thử nghiệm tác động sẽ dựa trên kết quả từ các số liệu thu thập được qua quá trình khảo sát. Do thời gian có hạn, đề tài sẽ tiến hành thử nghiệm tác động đối với những học sinh trung bình và học sinh yếu với số lượng học sinh này là 26 em.

Nhóm học sinh có xếp loại trung bình và yếu khi làm các BT4 và BT5 sẽ được chia làm 2 nhóm. Nhóm thứ nhất (nhóm 1) là nhóm thử nghiệm. Nhóm thứ hai (nhóm 2) là nhóm đối chứng (nhóm này không tác động). Đối với nhóm thử nghiệm tác động bằng các biện pháp sau:

- Giáo viên tiến hành cho học sinh ôn tập các kiến thức về chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ, phân loại câu, câu kể để học sinh nắm vững, qua đó vận dụng vào làm các dạng bài tập.

- Giáo viên tổ chức cho học sinh học phụ đạo để nhận diện, làm các dạng bài tập, đồng thời sửa chữa những sai sót của học sinh một cách có hệ thống và đưa ra những cách khắc phục để học sinh sửa cái sai của mình.

Trong quá trình hướng dẫn học sinh làm bài tập, giáo viên cần đưa ra các dạng bài mà học sinh có những nhầm lẫn dẫn đến tình trạng làm sai bài tập:

* Với dạng bài đặt câu theo các mẫu câu kể “Ai làm gì?”, “Ai thế nào?”, “Ai là gì?”

- Để học sinh nhận diện được các mẫu câu kể, giáo viên tiến hành hướng dẫn học sinh phân tích bản chất của hai câu sau:

Ví dụ 1: Đọc hai câu sau và trả lời các câu hỏi:

- a. Thỏ chạy nhanh hơn rùa.
- b. Thỏ lấy hết sức băng qua cánh đồng để đến kịp giờ thi.

Giáo viên đưa ra câu hỏi đối với học sinh:

+ Trong hai câu trên, câu nào nói về khả năng, câu nào nói về hành động của thỏ?

+ Theo em, câu nói về khả năng của thỏ, vị ngữ trả lời cho câu hỏi gì?

+ Câu nói về hành động của thỏ, vị ngữ trả lời cho câu hỏi gì?

+ Câu a thuộc kiểu câu kể nào?

+ Câu b thuộc kiểu câu kể nào?

Giáo viên gọi học sinh trả lời và sau đó chốt lại câu trả lời đúng:

Trong hai câu trên, câu a đánh giá về khả năng chạy của thỏ, có vị ngữ trả lời cho câu hỏi “Thỏ thế nào?” nên câu a thuộc kiểu câu kể “*Ai thế nào?*”. Còn câu b kể về hành động của thỏ, vị ngữ trả lời cho câu hỏi “Thỏ làm gì?” nên câu b thuộc kiểu câu kể “*Ai làm gì?*”.

- Giáo viên đưa ra các câu theo cấu trúc các kiểu câu kể, yêu cầu học sinh nêu được câu đó thuộc loại câu kể gì?

Ví dụ 2: Em hãy cho biết các câu sau thuộc kiểu câu kể gì?

- a. Minh học toán giỏi.
- b. Minh là người cao nhất lớp 5A1.
- c. Minh đang làm bài tập tiếng Việt.

Học sinh sẽ dễ dàng phát hiện ra chủ ngữ và vị ngữ của các câu trên, giáo viên hướng dẫn học sinh:

+ Để biết được mỗi câu trên thuộc loại câu kể gì em hãy phân tích xem vị ngữ của từng câu trên nói về điều gì?

Ví dụ 2: Em hãy chỉ ra trong các câu sau, câu nào đúng câu nào sai, với những câu sai hãy sửa lại cho đúng.

- a. “Con mèo đang vờn chuột” là câu được đặt theo mẫu câu *Ai làm gì?*
- b. “Mẹ em có dáng người dong dong” là câu được viết theo mẫu câu *Ai là gì?*
- c. “Em bé đang tập đi” là câu được viết theo mẫu câu *Ai thế nào?*
- d. “Bố em là người yêu thương con cái hết mực” là câu được viết theo mẫu câu *Ai là gì?*

Sau khi cho học sinh đọc đề bài giáo viên tiến hành cho học sinh nhận xét sự đúng sai của các câu và cho học sinh sửa lại những câu sai, sau đó giáo viên nhận xét câu trả lời của học sinh.

* Với dạng bài tập yêu cầu viết đoạn văn (BT5)

Tùy từng đề bài cụ thể mà giáo viên hướng dẫn học sinh sử dụng kiểu câu kể nào là chủ yếu.

+ Với dạng văn kể về những việc được chứng kiến hoặc tham gia, học sinh có thể sử dụng kiểu câu kể *Ai thế nào?* hoặc *Ai làm gì?* nhiều hơn kiểu câu *Ai là gì?*

+ Với dạng văn miêu tả sự vật, con người; học sinh có thể sử dụng kiểu câu *Ai là gì?* và *Ai thế nào?* là chủ yếu.

Muốn làm được bài tập dạng này học sinh phải nắm vững cấu trúc thành phần câu để viết câu chuẩn ngữ pháp. Giáo viên cần nhắc nhở học sinh trước khi làm bài nên đọc kỹ yêu cầu của đề bài để định hướng đúng cách làm, tránh lạc đề. Trước khi viết đoạn văn, học sinh cũng cần phải định hình cách làm hoặc có thể lập dàn ý cho đoạn văn của mình; tránh trường hợp câu lủng củng về mặt nội dung và sự sắp xếp lộn xộn giữa các câu trong đoạn. Học sinh cần tập trung sử dụng trí nhớ, tư duy, trí tưởng tượng của mình để xác định mình cần kể gì, tả gì về sự vật, sự việc mà đề đã yêu cầu. Học sinh cần vận dụng linh hoạt các kiểu câu đã được học và vốn kinh nghiệm của mình để viết đoạn văn đạt hiệu quả cao nhất.

Ví dụ: Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 câu) miêu tả một khu vườn vào mùa đơm hoa, kết trái.

Với này học sinh có thể miêu tả khu vườn của nhà mình hoặc khu vườn nào đó mà học sinh đã từng đến thăm.

Giáo viên tiến hành cho học sinh trả lời câu hỏi theo các gợi ý sau:

+ Bài tập yêu cầu gì? (xác định yêu cầu)

+ Khu vườn rộng thế nào?

+ Những cây trong vườn nhà em do ai trồng? (nếu học sinh định viết về khu vườn nhà mình)

+ Mùa cây cối đơm hoa, kết trái là mùa nào? (nếu học sinh tả về khu vườn nào đó mà học sinh đã từng đến thăm thì giáo viên có thể đưa ra câu hỏi gợi ý: Em đến thăm khu vườn đó khi nào?)

+ Trong vườn nhà em (khu vườn em đã từng đến thăm) có những loại cây gì?

+ Khi những cây trong vườn đơm hoa, kết trái em thấy có mùi hương gì đặc biệt?

+ Chim chóc trong vườn bay lượn và hót thế nào khi vào mùa cây cối đơm hoa, kết trái?

+ Em có tình cảm như thế nào đối với khu vườn?

Giáo viên cho học sinh viết thành dàn ý của đoạn văn, yêu cầu học sinh làm bài vào nháp và sau đó viết vào vở. Sau khi học sinh đã hoàn thành, giáo viên cho một vài em đọc bài làm của mình trước lớp và gọi học sinh nhận xét bài làm của bạn.

Giáo viên sửa lỗi cho những học sinh đọc bài trước lớp. Tiến hành thu vở của những học sinh còn lại, chấm và sửa lỗi cho các em.

3. Phiếu số 2 (dùng cho học sinh nhóm thử nghiệm và đối chứng).

(1) Em hãy dùng từ ngữ **Em bé** để làm chủ ngữ đặt thành:

a. Một câu kể *Ai làm gì?*

b. Một câu kể *Ai thế nào?*

c. Một câu kể *Ai là gì?*

- Yêu cầu: Đặt đúng mẫu câu, đảm bảo sự tương hợp về chủ ngữ và vị ngữ.

- Xếp loại:

+ Loại giỏi: Đặt đúng 3 câu theo mẫu câu.

+ Loại khá: Đặt đúng 2 câu theo mẫu câu.

+ Loại trung bình: Đặt đúng 1 câu theo mẫu câu.

+ Loại yếu: Không đặt đúng câu nào.

(2) Viết đoạn văn từ 5 đến 7 câu miêu tả cảnh bình minh.

- Yêu cầu: Đảm bảo đoạn văn viết về nội dung mà đề bài yêu cầu, trình bày sạch, đẹp về mặt hình thức.

- Xếp loại: Tùy theo mức độ và bài viết mà giáo viên linh hoạt xếp loại bài làm của học sinh:

+ Loại giỏi: Viết đoạn văn đúng, diễn đạt hay.

+ Loại khá: Viết đoạn văn đúng nhưng diễn đạt chưa hay.

+ Loại trung bình: Viết đoạn văn đúng, diễn đạt lủng củng.

+ Loại yếu: Viết đoạn văn chưa đúng hoặc chưa viết được đoạn văn hoặc diễn đạt quá lủng củng.